Năm thứ hai — Số 50
Tuần - lễ từ thứ tư 10
đến thứ ba 16 Juin 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo: 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

Trong số này:

Triều Gia-Long, một dịp có thể đưa nước nhà lên vũ-đài thế giới — *Hoa-Bằng*
Từ công việc mở-mang bờ cõi của nhà Nguyễn đến cuộc tổ-chức nước Việt-Nam của vua Gia-Long — *Nhật-Nham*
Vua Gia-Long đối với dân Bắc-thành — *Ứng-Hòe Nguyễn-văn-Tố*
Mười chuyện phi thường trong đời vua Gia-Long — *Long-Điền*
Kinh-đô Huế dưới triều Gia-Long có bản đồ — *Tiên-Đàm*
Lăng đức Gia-Long — *Từ-Lâm Nguyễn xuân Nghi*
Nỗi lòng Tố-Như dưới triều Gia-Long — *Kiều thanh Quế*
Tây, Nam đắc bằng — *Nguyễn Triệu*

Chuyên-san về

TRIỀU GIA-LONG

GIÁ BÁO
Mỗi số 16 xu
1 năm 6p80
6 tháng 3.50
3 — 1.80
Công sở giá gấp đôi

Lịch - sử đã dạy ta

TRIỀU GIA-LONG, MỘT DỊP LÊN VŨ-ĐÀI

ÔNG Lê Qui Đôn, tác-giả bộ Vân đài loại ngữ, có dẫn ở mục Khu vũ III sách đó một đoạn trong Kiến-biểu-tập, đại khái nói : Hồi đời Minh (1368-1644) đã có một người Âu tên là Li Mã - Đâu cùng mười người đồng-ban vượt biển chơi phiếm, qua hơn 10 nước, trải 6 muôn dặm, hàng 6 năm thì đến An-nam, rồi sang Quảng-đông...

Xét ra, bấy giờ vào khoảng Anh-Tông (1557 1572) và Thế-Tông (1573 1599) đời Lê Trung-hưng Thế là cái mầm Đông Tây đụng-chạm nhau đã gieo rắc từ đó.

Đến hồi Nguyễn, Trịnh giao tranh, nhiều người Âu-tây lục-tục nối gót nhau, gõ mạnh cửa quan, bước chân vào dải đất chữ S, đem theo hai việc để cùng ta nói chuyện : Truyền giáo và thông thương.

Rồi từ đó, người mình dần được tiếp xúc những vật mới, đồ lạ như chiếc đồng-hồ, tấm gương pha-lê do người Âu nhã tặng làm quà.

Đó là màn đầu mở cuộc Đông Tây gặp-gỡ, nhưng màn ấy dần dần khép lại cho đến khi tan cuộc Nam-Bắc giao-tranh.

Một bước ngoặt của lịch-sử nối lại cái « giây » Đông Tây đã rời-rạc từ trước : Chúa Nguyễn Ánh vật lộn với nhà Tây-sơn, nhờ ông Bá Đa-Lộc (Fvêque d'Adran) đem Hoàng - tử Cảnh sang Tây cầu viện.

Thế rồi trong quân bên chúa Nguyễn, người ta nhận thấy có tướng tây coi-quản tàu đồng, có lính tây dùng thủ-lựu đạn và súng kiểu mới. Những món mà ta thường kêu là văn-minh vật-chất ấy theo bọn các ông Chaigneau, Vannier Olivier và Dayot vân vân đã nghiễm nhiên xuất hiện ở một nước thờ văn-hóa chủ tĩnh và phỏng-nhậm theo tự-nhiên.

Để lục dụng những công-thần ngoại quốc đã giúp cuộc Trung-hưng, vua Gia-long (1802 1819) có cất đặt vài võ-quan người Pháp còn lưu lại nước Nam mà cho đứng xen vào văn ban, võ liệt ở Nam-triều.

Đông Tây gặp nhau mới thật đậm-đà khăng-khít từ đó.

Có điều ta lấy làm lạ mà phải tự hỏi : sau khi ngọn lửa nội chiến đã tắt, cái thuật phú cường của người Âu-tây đã bày sờ-sờ, thế sao một anh-quân như vua Gia-long không thâu thái phương pháp mới để kiến-thiết quốc-gia theo một vài kiểu tốt của Âu-châu ?

Về binh-bị cũng như về học-chính, sao nhà vua bấy giờ không tổ-chức theo qui-thức mới để làm khuôn mẫu cho đời sau ? Phải chăng tại thành-kiến, tập-quán và quan-niệm « Hạ, Di » sai-lạc của người mình đã cản trở nước ta không sớm âu-hóa, sớm duy tân được ?

Nên nhớ ở triều Gia-long, hoàn-cảnh còn giúp mình nhiều bề thuận-tiện và cơ-hội còn cho mình nhiều cái may-mắn dễ-dàng. Nếu phần đông vo tướng ta bấy giờ đừng đeo cặp kính kỳ-thị chủng-tộc và các nhà nho-thần đương thời biết thực hành mấy câu danh ngôn này trong kinh Thi : « Đại thiên chi vị âm vũ, triết bỉ tang đỗ, trù - mâu giững hộ » (Kịp khi trời chưa mưa dầm, đi lấy rễ dâu kia ràng-vịt cửa tổ . » thì « ai còn dám khinh ta nữa ? »

Nếu nước ta âu-hóa ngay từ đời Gia-long, thì các phương-diện trong nước từ chính-trị binh-bị, xã-hội, kinh-tế đến giáo-dục này khác, một phen thay đổi một phen tinh-thần, biết đâu cái triêu-khí ấy không một nhảy vọt cao nghìn trượng, rồi do cái đà đó không đẩy nước Việt-Nam lên vũ đài thế-giới ngay từ bấy giờ ?

Xuống đến hai triều Minh-mạng (1820-1840) và Thiệu-trị (1841-1847) vì con mắt hẹp-hòi của đa số triều-thần, nước mình xoay theo chủ-nghĩa bế quan tỏa cảng, khư khư đáy giếng, tưởng làm suốt cả thế-giới chỉ có nước Tàu là nước đáng làm kiểu mẫu, chỉ có văn hóa Tàu là văn-hóa hoàn-toàn, chỉ có lời dạy trong Kinh Truyện của Thánh, Hiền Trung, hoa là đáng nêu làm khuôn vàng-thước ngọc !

một bài học kinh-nghiệm

CÓ THỂ ĐƯA NƯỚC NHÀ THẾ-GIỚI

HOA-BẰNG

Rồi cứ nay lầm, mai lỡ, càng thắt, càng buộc càng ghì chặt lấy mình, thành thử để cho dịp tốt cứ chạy hoài mà không mấy khi trở lại với ta nữa !

Đến triều Tự-đức (1848 1883), ngang đời Minh-trị Thiên-hoàng bên Nhật, thời-thế đổi thay, cục-diện trong nước đã xoay khác hẳn. Bấy giờ những cặp mắt thức thời rất hiếm ; còn đại đa số đình-thần đều chỉ nệ cổ, không thấy rộng, không nghe xa, không biết biến-thông cải-cách. Những tập điều trần của Nguyễn Trường-Tộ (1), hiến-pháp của Trần Đức-Hậu (2) không được các nhà đương đạo nghe theo, rút lại chỉ là những lời nói xuông, không cứu chữa được thời-cục. Rồi mấy nhà chí-sĩ ấy, hoặc ngậm hận mà thác, hoặc ôm chí ma đi ra ngoài, bỏ lại đằng sau bó tơ « quốc-sự » càng ngày càng rối bét !

Đọc Sử đến đó, người ta thường phê-bình rằng cục-diện đời Tự-đức sở dĩ xui nên như thế, là do những cớ ngấm-ngầm đã tiềm-tàng từ đời Minh-mạng trước kia. Rồi người ta không khỏi nảy trong óc một thuyết giả-định : Hoàng-tử Cảnh, là người đã được nhuần-thấm giáo-dục tây-phương, đã được mục-kích những sự-vật mới mẻ bên Pháp, giả được dài thêm tuổi thọ để giúp việc xếp đặt nội trị sau khi vua Gia-long thống-nhất Nam Bắc thì, biết đâu – phải, biết đâu – cục-diện nước ta không đổi khác từ đó, mà có lẽ không đi đến bước cùu-cánh như đời Tự-Đức sau này. Nhưng đó chỉ là một « giả-định » !

∴

Nay ôn lại đoạn lịch-sử về triều Gia-long, chúng ta thấy nhân-tài không phải không thịnh, văn-vật không phải không khả-quan, nhưng ta không khỏi không ôm một mối cảm : sau những mùa xuân sinh, hạ trưởng, cỏ cây vừa được nảy-nở tốt tươi thì theo sau đã diễn ngay cảnh túc-sát tiêu-sơ, muôn vật dần chìm trong im lìm lạnh-lẽo !

Thế mới biết cuộc đời cần phải «ngày mới, lại ngày ngày mới», có tiến theo hoàn-cảnh và thời gian thì mới có thể tự tồn được. Lịch-sử đã cho ta một bài học dĩ-vãng mua bằng một thứ đại-giá rất cao.

Muộn còn hơn không. Sinh trưởng ở thế-kỷ thứ hai mươi này, sấm Mỹ chớp Âu bao phen đã làm cho chúng ta bật tỉnh hồn mê, vang tai, hoa mắt !

Hòa theo dịp đàn « phục hưng quốc-gia » của Thống-chế Pétain, ta phải gảy chung những khúc đồng-điệu êm-thấm nhịp-nhàng mà phả thanh bản đàn « ái ưu, lạc-lợi » bằng cái tinh-thần quốc-gia quang-minh, hầu cho đối với tổ-tiên xưa, ta mong không thẹn mà trả lời : chúng tôi đã tiến, đương tiến và còn cứ tiến... !

Bây giờ không phải là lúc oán trách hay kỳ vọng cổ nhân nữa.

H. B.

1- Nguyễn Trường Tộ, người làng Bùi-chu, tổng Hải-đô, phủ Hưng-nguyên, tỉnh Nghệ-an, sinh năm Minh-mạng thứ chín (1828), mất năm Tự đức thứ hai mươi bốn (1871). Ông có dâng lên triều-đình những bài như *Trần tình* (1863) *điều trần về lục lợi* (1864), *tế cấp bất điều* (1867), *điều trần về tình thế, phương tây* (1871), và *điều trần về việc sinh tài* (1871) vân vân.

2 Trần Đức-Hậu, khi thấy bản duy-tân hiến pháp của mình bị Triều-đình bác đi, bèn bỏ nước, sang Xiêm, đem bản hiến pháp ấy giúp nước Xiêm trở nên cường-thịnh. Sau khi ở Xiêm ít lâu, ông lại ôm hoài-bão về nước, mong đem tài-năng mà giúp quốc-gia ; nhưng chỉ được vua Tự-đức ban cho cái chức Hành-nhân (như thông-ngôn) để giúp ông Ngụy Khắc Đản đi sứ Pháp. Rồi ông mắc bệnh mà mất khi tầu bẻn đến Ấn-độ-dương.

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai đã đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0$85 cước 0$06

Gửi bằng tem (cò) cũng được. Không gửi lối lĩnh hóa giao ngân

Từ công việc mở mang bờ cõi của nhà Nguyễn

đến cuộc tổ-chức nước Việt-nam của vua Gia-Long

NHẬT-NHAM TRỊNH NHƯ-TẤU

Cuối thế kỷ thứ XV, người Việt-Nam còn quần cư tại vùng Qui-Nhơn là đ.a giới về phía nam.

Nhờ có Chúa Nguyễn vao trọng trấn vì nửa sau thế-kỷ thứ XVI, người m nh mới bắt đầu mở phủ Phú yên (miền sông Cầu) vào năm 1611, đặt doanh Thái khang (Nha-Trang và PhanRang (1), rồi năm 1653 ;- lập phủ Bình-Thuận (Phan-Thiết) nam 169 , mở doanh Trấn-Biên (Biên Hòa và phủ Gia Định (Saigon) vào n m 1698—Rồi đến nam 1714- người Việt Nam lập trấn Hà-Tiên bành chướng thế-lực trên một khu vực đất Cao-Mên. Vùng này mấy năm trước do người khách Quảng Đông Mac-Cửu tổ chức, sau con Mạc-Cửu là Mạc-Thiên - Tích mở rộng miền này từ duyên-hải phía đông vịnh Tiêm-la đến vùng Camau

Đến thế-kỷ thứ XVIII, đúng khoảng Février-Mars 1723. phía bắc nước V ệt-Nam chia làm 13 tỉnh chính-thức; các xứ cải làm đạo- còn nhưng khu-vực miền nam phải tốn công xếp-đặt, dần dần mới co trật tự : nam 1732, châu Định-Viễn cất ở phía nam doanh Phiên-Triển lập thành doanh Long-Hồ (miền duyên-hải phía nam Gia-Định, Vĩnh Long và Trà-Vinh cho tới sông Bassac là chi-lưu sông Cửu-Long Giang về mé tây) ; - năm 1753, banh chướng về phía tây-bắc, lập đạo Trường-Đồn (Mỹ-Thọ, Cao-Lanh cho tới địa-giới Cao-Mên, trên tảngạn chi-lưu chính ở phía đông sông Cửu-Long-giang) ; năm 1757 đặt đạo Châu-Đốc (Sadec, Châu-moi Châu-Đốc, Long xuyên, Cần thơ, Sóc trang) nối liền vùng Hà tiên với phía bắc và đông xứ Nam Kỳ.

Xem như thế thì địa thế nước Việt-Nam mới hành chướng về phía nam trong vòng nửa sau thế-kỷ thứ XVIII.

Về sau nhà Nguyễn bình được quân Tây-Sơn, mở nền chính-thống- Vua Gia-Long lên ngôi Hoàng-đế chia nước Việt-Nam làm 24 trấn và ba doanh—Từ Thanh-Hóa ngoại (tức là Ninh Bình bây giờ) trở ra, gọi là Bắc-thành tổng-trấn, thống cả 11 trấn, chia làm 5 nội-trấn : Sơn-Nam - thượng, Sơn - Nam - Hạ, Sơn-tây, Kinh-Bắc và Hải-Dương; - 6 ngoại trấn : Tuyên-Quang, Hưng Hóa, Cao-Bằng, Lạng-sơn, Thái-nguyên, Quảng-yên.

Từ Bình Thuận trở vào, gọi là Gia-Định thành thống cả năm trấn : Phiên-An (địa hạt Gia-Định), Biên Hòa, Vĩnh-Thanh (Vĩnh-Long và An-Giang), Vĩnh-Tường và Hà-Tiên.

Còn ở quãng giữa nước ta, Vua Gia-Long đặt Thanh-Hóa-trấn (gồm cả Thanh-Hóa nội và Thanh-Hóa ngoại), Nghệ-An-Trấn, Quảng-Nam-trấn, Quảng-Nghĩa-trấn, Bình-Định-trấn, Phú.yên trấn, Bình Hòa trấn Khánh Hòa) và Bình-Thuận-trấn.

Đất Kinh-Kỳ thống ba doanh ; Trực-lệ Quảng-Đức-doanh (tức là Thừa-Thiên bây giờ). Quảng-Trị-doanh, Quảng-Bình-doanh.

Ở Bắc-Thành và Gia-Định thành đều đặt chức tổng-Trấn và phó-tổng trấn cai-trị-các trấn để dưới quyền cai trị quan lưu-trấn hay trấn-thủ, quan cai tạ và quan ký lục

Trấn lại chia ra phủ, huyện, châu tổng, xã đặt chức Tri-Phủ, Tri-Huyện, Tri-châu coi việc cai-trị

Gia-Long (1802-1819)

Bắc-kỳ — Trung-kỳ — Nam-kỳ

24 trấn — 3 doanh — 2 đạo — 2 thành 1 kinh đô.

Bắc-thành Tổng-trấn (1802) 11 trấn

Trấn Lạng-sơn	*(1802)*
— *Kinh-bắc*	*(1802)*
— *Thái-nguyên*	*(1802)*
— *Cao-bình*	*(1802)*
— *Tuyên-quang*	*(1802)*
— *Hưng-hóa*	*(1802)*
— *Sơn-tây*	*(1802)*
— *An-quảng*	*(1802)*
— *Hải-dương*	*(1802)*
— *Thành Thăng long*	*(1805)*
hay phủ Hoài-đức	*(1805)*
Trấn Sơn-nam thượng	
— *Sơn-nam hạ*	
Đạo Thanh-bình	*(1806)*
Trấn Thanh-hóa	*(1802)*
— *Nghệ-an*	
Doanh Quảng-bình	*(1802)*
— *Quảng-trị*	*(1802)*
Kinh-thành doanh Quảng-đức	*(1802)*
Trấn Quảng-nam	*(1808)*
— *Quảng-ngãi*	*(1808)*
— *Bình-định*	*(1808)*
— *Phú-yên*	*(1808)*
— *Bình-hòa (Khánh-hòa)*	*(1808)*
— *Bình-thuận*	*(1808)*

Gia-Định thành (1802-1814) 5 trấn

Trấn Biên-hòa	*(1808)*
— *Gia-định (Phiên-an)*	*(1802)*
Thành Gia-định	*(1808)*
Trấn Định-tường	*(1808)*
— *Vĩnh-thanh*	*(1814)*
Vĩnh long và An giang	
Đạo Châu-đốc	
Trấn Hà-tiên	

Xem tiếp trang 23

Vua Gia-Long
đối với dân Bắc-thành

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Sau khi lấy được Bắc-hà, từ sông Gianh trở ra (khoảng ngày 20 juin-20 juillet năm 1802) vua Gia-long mở nền bình-trị ra thế nào và đối với dân đất Bắc ra làm sao ?

Sách ta, sách tây chỉ nói qua loa ; sách nho chép cũng không đủ : có những tờ chiếu-dụ, tờ « công-đồng truyền », nửa nôm nửa chữ, chưa hề thấy in ra bao giờ. Tôi có một bản sao, chép thành sáu quyển, trông có vẻ cũ lắm, đề là *Hộ-dịch*, — *Lễ-dịch*, — *Công-dịch*, — *Hình-dịch*, — *Tấu-an Hóa bạ*. Trong chép võ-công và văn đức vua Thế-tổ, vừa chữ nho vừa chữ nôm : câu nào khó thì dùng chữ nho, câu nào dễ thì dùng chữ nôm. Mà chữ nôm viết cũng hơi khác : chữ *làm* hiện nay viết một phẩy ba chấm là đầu chữ *vi*, nghĩa là làm : đời Gia-long viết là *lạm* (lạm-dụng) ; — chữ *một* là số đầu, thường viết chữ *một* là mất : đời Gia-long viết là chữ *miệt*, nghĩa là khinh-rẻ ; — chữ *bây giờ*, thường viết chữ *bi* là thương, và chữ *giờ* thì viết *nhật* trên, *từ* dưới : đời Gia-long viết là *bi trừ* ; nếu chữ *trừ* không phải ở dưới chữ *bi* (tức *bây*) thì có lẽ khó đọc được cho đúng tiếng !

Nhân ngày Hưng-quốc khánh-niệm (mồng hai tháng năm, 1er Juin 1802) tôi sao lại một vài tờ chiếu và tờ công-đồng-truyền trong quyển *Hình-dịch* và quyển *Công-dịch*, và trong bộ *Đại-Nam thực-lục chính-biên*, để độc-giả biết đại-khái cái chính-sách của vua Gia-long đối với dân Bắc-thành ra làm sao (Bắc-thành là tên gọi đất Bắc-kỳ hồi bấy giờ). Biết đại-khái mà thôi, vì muốn biết cho đến nơi đến chốn, phải đem những tờ của vua Gia-long ban-bố ra so với những việc đã thực-hành được : việc so-sánh ấy để dịp khác.

∴

I. — Cất quân ra đánh đất Bắc

Trước hết, hãng dịch tờ chiếu sau này, là tờ « Bắc-hà đại-định bố-cáo trong ngoài », chép trong bộ *Đại-Nam thực-lục chính-biên* (quyển 17, tờ 21 b—22 b).

« Ta lấy lại được kinh-thành (Phú-xuân) quân giặc (Tây-sơn) thua chạy, hai trăm năm bờ cõi (1), núi-non giới-hạn, phong-tục đổi đời ; mười ba đạo thừa-tuyên (2), cảnh khổ nhân-dân, hơn nước sâu lửa nóng : đánh kẻ có tội để yên dân, thực không nên hoãn. Nay đại binh của ta đi đến đâu không ai địch nổi. Ngày 17 (tháng năm năm Nhâm-tuất, tức là 16 juin 1802) đặc mạnh Khâm-sai chưởng Tả-quân bình-Tây tướng-quân quận-công Lê văn-Duyệt, đem các đạo quân bộ, Khâm-sai chưởng Trung-quân bình Tây đại-tướng-quân quận-công Nguyễn văn-Trương, đem các đạo quân thủy hẹn ngày đều tiến. Ngày 21 (20 juin 1802) xe vua khởi hành. Ngày 27 (26 juin 1802) quân thủy thẳng tới Hoành-sơn, đánh vỡ đồn giặc, đô-đốc của giặc là lũ Nguyễn văn-Ngũ đều thua chạy. Ngày 28 (27 juin 1802) tiến đánh được Hà-trung. Ngày 29 (28 juin 1802) quân bộ tiến đánh được Đại-nại. Mồng một tháng sáu (30 juin 1802) quân thủy tiến đánh được Vĩnh-doanh (trấn-lỵ Nghệ-an) (3). Thiếu-úy của giặc là Đặng văn-Đẳng xin hàng, bắt được em Nguyễn quang-Toản là Thất, đô-đốc của giặc là Ngũ. Mồng hai (1er juillet 1802) quân bộ tiến đánh Tiên-lý : đô-đốc của giặc là Y xin hàng. Mồng năm (4 juillet 1802) tiến đánh được Dương-Xá (trấn-lỵ Thanh-hóa) bắt được em Quang-Toản là Quang-Bàn và đồng-lý của giặc là cha con Nguyễn văn-Thận. Mồng bảy (6 juillet 1802) phó đô-thống-chế Vũ doãn-Văn bắt được tướng giặc là Trần quang-Diệu, Từ văn-Chiêu Nguyễn văn-Giáp, Lê văn-Hưng và tướng-sĩ rất nhiều. Dân Thanh hoa lại bắt được Vũ văn-Dũng giải nộp. Mồng chín (8 juille 1802) quân bộ tiến đánh được núi Tam-điệp : tư-mã của giặc là Nguyễn văn-Dụng, Nguyễn văn-Tứ chạy trốn. Mồng mười (9 juillet 1802) quân bộ tiến đánh được Thanh-hoa-ngoại : đô-đốc của giặc tên là Tài xin hàng. Ngày 12 11 juillet 1802, tiến đánh

được Cầu-châu trấn-lỵ Sơn-nam-thượng 4 Quân thủy thẳng tới Vi-hoàng Trấn-lỵ Sơn-nam-hạ : đồ đốc của giặc là Thọ xin hàng. Ngày 17 16 juillet 1802 quân bộ tiến đánh được thành Thăng-long Dân Kinh-bắc bắt được giặc là Nguyễn quang-Toản, thái tể là Quang-Duy, nguyên-soái là Quang-Thiệu, tư mã Nguyễn văn-Dụng, Nguyễn văn-Tứ g ải nộp Quang-Thùy thắt cổ chết. Trước sau bắt được chiến tướng hơn một trăm đôi, khí giới, lương thực, thuyền bè, không biết bao nhiêu mà kể. Ngày 21 20 juillet 1802 xe vua đến thành Thăng-long : các quan của giặc đem nhau đến lạy xin hàng, các trộm cướp hết sạch : công nghiệp lớn-lao đến đây rất mực. Ôi ! Trời đất tối tăm, quân nhà vua rửa sạch, để nên công cứu vớt ; mây sấm truân kiền, người quân-tử sửa - sang, chờ hưởng phúc thăng-bình ». (Tháng năm năm nhâm-tuất, 1802, hiệu Gia-long năm thứ nhất)

II. — Chia đất Bắc ra làm mười-một trấn

Vua Gia-long lấy xong đất Bắc, thì đến khoảng tháng bảy tháng tám năm 1802 chia ra làm mười một trấn : Sơn - nam - thượng, Sơn-nam-hạ, Sơn-tây, Kinh-bắc, Hải - dương, Lạng - sơn, Thái-nguyên, Hưng-hóa, An-quảng (5), Cao-bằng và Tuyên-quang

Mỗi trấn đặt một chức trấn-thủ, lấy hàm thống-chế, chưởng-cơ hoặc cai-cơ làm chức ấy. Lại đặt một chức hiệp-trấn và một chức tham-hiệp, lấy hàm thiêm-sự, tham-quân, Hàn-lâm thị-thư làm chức ấy.

Vua vời tất cả đến trước dụ rằng : « Nay mới dẹp yên, dân mong đức mới : các ngươi đều nên tuyên-dương đức chính, vỗ-về dân-chúng, khiến cho ai nấy đều được an nghiệp, để xứng-đáng chức ta giao cho » (*Đại-Nam thực-lục chính-biên*, quyển 17, tờ 23 a-23 b và tờ 24 a).

Vua dụ quần-thần rằng : « Bắc-hà là trọng-địa, nên được bậc trọng-thần trấn-trị mới được ». Bèn lấy Nguyễn văn-Thành làm « Bắc-thành tổng-trấn », ban cho sắc ấn và giao quyền thống-trị mười một trấn : phàm thăng giáng quan-lại, xử-đoán kiện-tụng, đều được tiện-nghi quyết-định, rồi sau mới tâu vua nghe

Lại đặt ở Bắc - thành ba « tào » : hộ hình, hình ; sai Hộ-bộ Nguyễn-văn-Khiêm Binh-bộ Đăng - trần - Thường, Hình - bộ Phạm-như-Đăng lĩnh ba tào ấy, giúp chức tổng-trấn làm các công - việc (*Đại - Nam thực - lục chính-biên*, quyển 18 tờ 31 a).

Đời cố-Lê các trấn đều đặt phủ huyện ; đến đời Tây-sơn chỉ đặt văn-phân-trị, võ-phân-xuất, để chia việc cai-trị các huyện : hồi đó không đặt phủ. Khi vua Gia-long dẹp yên, thì lại đặt phủ : ở Bắc-thành, phủ Phụng-thiên (nay là Hoài-đức) đặt một an-phủ-sứ và một tuyên-phủ-sứ thống-lý hai huyện. Ở Sơn-nam-thượng, Sơn-nam-hạ, Kinh-bắc, Hải-dương, Sơn-tây, đều có phủ, mỗi phủ đặt một chức quản-phủ và một chức tri-phủ, kiêm-lý một huyện. Ở huyện thì đặt một chức tri-huyện, lấy những chức cai-cơ, tham-quân và hương-cống đời Lê và những người dâng thơ tâu việc được trúng tuyển, bổ vào. An-quảng, Thái-nguyên, Hưng-hóa, Tuyên-quang, Lạng-sơn, Cao-bằng và những thổ-phủ, thổ-huyện, thổ-châu lấy thổ-quan quản-lĩnh. Mỗi trấn đặt hai ty tả-thừa, hữu-thừa, mỗi ty một chức cai-hạp, một chức thủ - hạp, thuộc ty mười ba người (*Đại-Nam thực-lục chính-biên*, quyển 18, tờ 16 b).

III. — Đắp lại thành Thăng-long và định việc tuyển lính

Vua cho thành Thăng - long (Hà-nội) chật-hẹp, tháng giêng năm thứ hai (1803) sai quan giữ thành (thành-thần) vẽ một bản đồ, rồi sức quân các doanh ra đắp ; vật liệu thì các quan phải cấp : nếu ai sách-nhiễu tiền dân thì phải tội và bắt trả tang-vật cho dân (*Đại-Nam thực-lục chính-biên*, quyển 20, tờ 5 a).

Ngay từ năm đầu (1802) đã có dụ rằng : « Giữ nước không thể nào không có quân ; người xưa đặt ra từng phủ từng vệ, ngụ quân ở người làm ruộng để giữ dân đó. Ta kính Trời đem lại cơ-đồ, bắt chước đời xưa, chính-sách quân dân rất là chú ý. Gần đây, sai đình-thần bàn, chiếu theo sổ thường-hành năm giáp-dần (1794), bảy đinh lấy một, chia lập quân-chi hiệu-đội, tùy việc cận tiện đổi cho đi thú, nghĩa là khiến cho tập quen thủy-thổ mà giữ được gia-hương. Nhân nghĩ từ khi Tây-sơn nổi loạn, lấy quân không có phép, mà người quản lĩnh nhũng-tệ nhiều đường, đến nỗi kẻ tiểu-dân dối-trá quen thói, cẩu-thả cần cho xong việc. Khi ta mới đại-định, đã từng đinh-ninh huấn-sức, còn lo kẻ ngu-dân, thói ngoan-ngạnh chưa đổi rếu động đến hình-uy, không dạy mà giết, ta lại không nỡ, bèn định lệ cấm, gồm chín điều, để cho biết mà sợ »,

Những điều chính như sau này : Kén chọn làm lính, nên kén chọn nhà cường-phú nhiều đinh, không được ức-hiếp người kiền-ngụ, kẻ cô-cùng. Phép coi quân, phải thao-luyện lâu ngày, thì trận đồ mới tinh thuộc, bộ-ngũ mới chỉnh-tề. Trước kia dân xã thường hay làm khoán ước riêng, đi lính có khi ba bốn

năm hoặc năm sáu năm làm một khóa ; những tử đệ nhà hương phú đã tòng quân rồi, cũng cầu cạnh nhiều phương để đổi trác, đến nỗi sớm bổ tối đổi, binh không tinh luyện. Từ nay, phàm đã sung ngũ, không được đổi trác. Binh-đinh tại ngũ mà trốn, đuổi theo bắt không được, liền bắt cha con, anh em hoặc thân-tộc điền vào ; nếu không có những hạng ấy, mới cho chọn người khác. Các xã binh-đinh trước bị phải Tây-sơn kén chọn, thỉnh-thoảng có người đầu hàng và quan quân bắt được, hiện tại ngũ, đều cho về làng ứng tuyển, chiếu số phê trừ, cho khỏi xã dân chịu nặng ; người nào đã được làm cai-đội phó-đội trở lên, không vào lệ này. Những binh-đinh mới điền, xã dân nên dự bị mỗi người một tấm vải làm túi, dài ba thước năm tấc, một cái áo lính hai lần vải, ngoài vải đen, trong vải vàng, mỗi thứ tám thước, một cái giây lưng sắc đỏ mộc, sáu thước tơ gốc và một thước vải làm khố, cúc chỉ và công may, năm tiền nộp ở thành-thần (tức là quan tỉnh) để tùy tiện chế cấp. Phàm lính mới cấp đã có lương, thì xã dân phụ thêm mỗi tháng một quan, mỗi năm cấp khăn vải sắc đen một đoạn, dài bốn thước năm tấc; áo đơn vải sắc đen hai cái, mỗi áo mười thước vải, vải khố hai dây lưng, mỗi dây lưng đều bảy thước vải. Như làng có công điền công thổ cho chiếu theo lệ cấp khẩu phần (*Đại. Nam thực lục chính biên*, quyển 18, tờ 22 a-23 a)

IV. — Dụ hào mục và cựu-thần nhà Lê.

Việc binh tại thế ; việc dân thì có tờ chiếu này nên sao lại : «Gần đây Tây-sơn dấy loạn, ngôi nhà Lê đã mất, lũ các người là hào mục Bắc hà, giữ bền lòng trung phẫn, không chịu cho đảng giặc ràng buộc, có nhiều người trốn tránh, tụ họp trong chốn rừng núi, chưa biết theo ai Nay nghịch-tặc đã trừ, xa-thư cùng lối, người tri-giả biết thời cơ, há lại chậm về quan vọng ? Đặc dụ phàm những người can phạm về trước, đều không hỏi đến. Cho khắp cả giải tán nghĩa binh, đem nộp quân-khí, do quan địa-phương tâu rõ vua nghe : ta sẽ tùy tài mà lục-dụng. Lũ các ngươi nếu xét kỹ sự cơ, đừng để phàn-nàn về sau. » (*Đại Nam thực-lục chính-biên*, quyển 17, tờ 13 a).

Tháng bảy năm thứ nhất (1802) vua dụ những cựu-thần và hương cống sĩ nhân nhà Lê như sau này : «Trước đây Tây-sơn phạm đạo thường, trời đất tối-tăm, có nhiều người dấu tiếng, không chịu ra làm quan với ngụy Tây. Những người ấy hoài bão tài-đức, ý cũng đợi thời. Nay đảng giặc dẹp yên, công võ cả định, chính là lúc đem giáo-hóa dạy dân làm cho nước được trị bình; nhân tài một đời, há chịu để cùng với cỏ cây cùng nát ; vậy nên chuyền cùng bao cáo để đến hành-tại (nơi vua ở tạm) cho các quan chưởng Tiền-quân Nguyễn văn-Thành, Lễ-bộ Đặng đức Siêu, Tán-lý Đặng-trần-Thường, Tham-tri Phạm-như-Đăng, Học sĩ Nguyễn-Viên, lần lượt dẫn vào yết kiến, ta sẽ xem lời nói thử công, tùy tài lục-dụng, khiến người hiền có ngôi, người tài có chức, hợp lòng nghĩ, chia mưu-kế, cùng nhau gây nên chính đạo».

Từ bấy giờ những người ẩn dật ở Bắc-hà tranh nhau ra để nhà vua dùng (*Đại-Nam thực lục chính biên*, quyển 18 tờ 1 a)

V. Định khóa thuế và lệ hương-đảng.

Tháng sáu năm nhâm tuất (1802) vua nghĩ là mới đại-định, sổ sách mất cả các thứ thuế chưa chuẩn định, nghe tư-mã của Tây sơn là Nguyễn văn-Đụng đã từng giữ hộ-chính, bèn sai kê rõ các ngạch thuế, do bộ hộ chia từng khoản tâu lên, để châm chước thi hành (*Đại-Nam thực lục chính biên* quyển 17, tờ 26 a

Tháng giêng năm thứ ba (1804) vua xuống chiếu rằng : «Gọi là nước nghĩa là góp nhiều hương đảng lại ; tự làng đến nước, dạy dân thành tục là việc trước nhất của vương-chính. Gần đây việc dạy dỗ chễ biếng, việc chính-trị suy-đồi, làng không có phong tục hay, quen-thói đã lâu, đắm mất càng sâu. Phàm việc ăn uống, lễ cưới xin, phép tang tế thờ thần phật, phần nhiều lạm phép tiếm lễ : bọn hào-mục mượn thế để bác-tước kẻ cùng dân, lâu thành quen lệ. Vì cớ đó, nay châm-chước thêm bớt, cho được thích trung, để làm lệ nhất định trong hương đảng, nghĩa là muốn bỏ hẳn cái mầm tệ, chính là con đường lớn đấy.» (*Đại-Nam thực lục chính biên*, quyển 23, tờ 7 b).

VI. — Xóa những món nợ lâu năm

Ngày 20 tháng hai năm thứ hai (1803) vua Gia-Long xuống một tờ công đồng truyền vừa chữ vừa nôm, chép nguyên văn ra sau đây, còn bản dịch thì in ở chỗ phụ-chú (6) :

«Công-đồng truyền Bắc-thành các trấn, phủ, huyện, xã, thôn, phường, trang, sách, quân dân bách tính đẳng tuân tri : hệ dân sinh chi đạo, bần phú tương-tư cũng là thông nghĩa ; tự thuở Lê mạt, nhẫn đến Tây-sơn xướng loạn, phần thì phú dịch phiền trọng phần thì cơ hoang [illegible]

bao nhiêu bần khốn chi gia, bách ư cơ hàn, cho nên tích lũy phụ trái. Như những nợ đã lâu năm hoặc hoàn tức khiếm bản, hoặc hoàn bản khiếm tức, hoặc có người hồi tức vi bản, đến nỗi phụ trái tử hoàn, mà bản tức cũng chẳng hay hết ; bần-phạp tiền-dân, thậm chí quyên gia khí nghiệp, tuần trí lưu vong. Giá đẳng sự-tình, kinh phụng chúc cố. Hợp truyền : hễ tự canh-thân niên lạp nguyệt dĩ tiền chư phụ trái giả, nhất thiết tịnh hưu kỳ tài-chủ bất đắc truy vấn. Còn như những nợ mới, thì bấy nay kinh tao binh hỏa, gia dĩ thủy hạn cơ khiêm, kẻ xiêu-tán, cũng chưa đặng về cố-lý, đưa bần-cùng cũng chưa đủ sinh-nhai ; tự dưỡng bất chu, dễ lấy đâu hoàn trái. Nhưng truyền : tự tân-dậu niên chính nguyệt, dữ nhâm tuất niên chí tư niên qui-hợi thập nguyệt cộng tam niên, phàm hữu phụ trái giả, bất luận niên-trái, vụ-trái, nguyệt - trái, tịnh hoãn nhất niên, dĩ tư niên bản nguyệt nhật vi thủy, chí lai niên thập nguyệt nhật mãn hạn, tắc tài - chủ thủy đắc truy vấn. Chi như trái - khế nội, hoặc hữu bảo trấp gia - cư điền-thổ viên-trì, cập tài-vật các hạng, bất câu niên cửu cận, hệ thụ trái nhân chửa giao sở trấp nguyên vật, cho phóng trái nhân chiếu nhận ấy, diệc tòng trái - lệ khả hoãn nhất niên ; bằng tòng tiền nghiệp dĩ giao hứa phóng trái nhân chiếu khế nhận thủ rồi thì thôi, đãi hậu hữu tiền cứ bản thỉnh thục. Tái như tự tư niên bản nguyệt nhật dĩ hậu, chư hữu phóng trái giả, tịnh hứa các tùy văn-khế hạn-kỳ thôi canh truy vấn, dữ phù thôi canh tá canh, nguyên phi trái khế, bất tại hoãn lệ. Và việc ấy ngừa vâng đồng-tất dân-ẩn. Muôn cho biểu đa ích quả, phù giả diệc bất thậm tổn, bần giả sảo đắc thiểu thự. Phàm tại nhĩ hà, các nghi tuân cứ, nhược phóng trái giả vi truyền, hứa thụ trái giả cứ thứ đầu thân tại phủ huyện quan cứu quả, xử dĩ trọng tội. Tư truyền. » (Trích ở quyển *Hình-dịch* bản riêng, của tác-giả, tờ 3a-4a).

VII. — Hỏi về việc đắp đê, phá đê.

Cũng năm thứ hai (1803), ngày 20 tháng mười, vua Gia-long ban chiếu xuống các quan-quân, sĩ-thứ, kỳ-lão, để hỏi về việc đê. Đoạn nào bằng chữ nôm thì in nghiêng ; đoạn nào bằng chữ nho thì dịch ra quốc - ngữ, in chữ thường :

« Hễ hưng lợi trừ hại, là cái gốc chính - trị, nên so - sánh bắt chước việc xưa nay. Các chỗ nên noi theo, nên thay đổi, đều tùy sở nghi. Vả nước ta các huyện xã ven sông, từ trước đắp đường đê, *phòng khi* nước lên ngập lụt : *việc ấy* nhân noi *đã* lâu, *song hễ* tới mùa thu nước lụt, *thường có* bị vỡ, *thì* thế nước tràn đến địa-phương nào, *chẳng những* ruộng nương bị ngập lụt, *dầu* đến nhà-cửa, người và giống vật, cũng có khi bị hại. Nay ta đã soi thấy bệnh dân, *cũng muốn một phen đại-đoạn hưng trừ. Song tưởng rằng : lập đê pha đê* đều có lợi hại, *như bây giờ một là nối theo cựu đê ấy, đã tu-bổ lấy những chốn hội-liệt* (chỗ vỡ) ; *một là nhân* đê đã vỡ, *mà tính phá thành đê* (những chỗ đê hãy còn), *hễ đến* mùa nước lụt, mặc cho thế nước lên xuống : *hai lẽ ấy đường lợi hại thế nao, cũng chưa lấy đâu chuẩn-đích. nhất cử nhất động,* quan hệ không nhỏ, *ai nấy* nghe quen thấy luôn, biết địa-thế thế nào là tiện, *với dân-tình* thế nào là phải, *ắt đã tru tri lợi hại. Đặc chiếu ban hạ việc ấy, phàm hữu sở kiến, đều cho minh-bạch cụ trần* (phàm có ý-kiến gì, đều cho bày tỏ minh - bạch, : *hễ phủ, huyện quan dĩ thượng, thì tư biểu đệ tấu ;* hễ là tổng - trưởng, xã-trưởng, thì cho nộp tại phủ, huyện, quan phủ, quan huyện chuyên tấu ; *còn sĩ-thứ kỳ-lão thì đã* đặt một cái hòm công ở Quảng-văn-đình ngoài cửa Nam. Như có điều trần về việc phá đê đắp đê lợi hại ấy, đều cho bỏ vào trong hòm, để tiện thu xem. Hạn trong mười ngày, bên nào lợi bên nào hại, hoặc lợi nhiều, hại ít, hoặc lợi ít hại nhiều, với cái duyên-cớ tại sao mà được lợi hại, hết thảy điều-trần cho tách-bạch, nói cho rõ-ràng thiết-đang, nếu lời nói có thể làm được, tức có khen thưởng, để xứng-đáng cái chí-ý cầu lời nói của trẫm. » (Trích ở quyển *Công - dịch*, sách riêng của tác-giả, tờ 1b - 2b) (7).

VIII. — Định phép thi hương, thi hội

Vào khoảng tháng bảy năm Gia-long thứ nhất (1802) vua cùng các quan bàn phép khoa-cử. Vua dụ rằng : « Khoa - mục là con đường phẳng của sĩ - tử, thực không nên thiếu, phải nên giáo-dục thành tài, rồi sau thì hương thi hội, lần - lượt cử - hành, thì hiền-tài, được dùng luôn luôn ».

Đặt chức đốc-học các trấn Bắc-thành, lấy Học-sĩ Nguyễn-đình-Tứ làm đốc-học phủ Phụng-thiên (Hoài đức) Lê-huy-Tiềm làm đốc học Kinh bắc, Ngô Tiêm làm đốc-học Sơn-tây, v.v.

Phủ Phụng-thiên một đốc-học ; trấn Kinh - bắc, Sơn - tây, Hải-dương, Sơn-nam-thượng, Sơn-nam hạ, mỗi trấn một đốc- học. Đốc - học Kinh-bắc gồm Thái - nguyên, Lạng-sơn, Cao - bằng. Đốc-học Sơn-tây gồm Hưng-hóa, Tuyên-quang Đốc-học Hải-dương gồm An-quảng (*Đại-Nam thực-lục chính biên*, quyển 18, tờ 28a).

Tháng năm năm Gia-long thứ

ba 1804, các quan Bắc-thành xin thêm đặt chức trợ-giáo. Vua cho Dương-Vịnh là hương - cống cũ Lê làm Sơn-nam-thượng trợ-giáo, Nguyễn-Lý làm Sơn-tây trợ-giáo, Vũ-Cơ làm Kinh-bắc trợ-giáo, v.v *Đại-Nam thực-lục chính-biên*, quyển 24 tờ 10b.

Tháng hai năm Gia - long thứ sáu 1807 có tờ chiếu rằng: «Quốc-gia cầu người hiền tài, tất phải từ chỗ khoa-mục. Các tiên-triều, phép khoa-cử cũng đã có làm. Từ khi Tây sơn dấy loạn, phép cũ bỏ mất: sĩ khí vì đó mà chìm-đắm uất-ức. Nay thiên-hạ đại-định, Nam Bắc hỗn-đồng, phải lấy việc cầu hiền làm việc gấp, đã sắc xuống nghị-định phép thi : kỳ đệ nhất chấn nghĩa tức kinh-nghĩa ; kỳ đệ nhị : chiếu, chế, biểu ; kỳ đệ tam : thơ, phú ; kỳ đệ tứ : sách vấn ; lấy tháng mười năm 1807 mở khoa thi hương, năm sau là mậu thìn (1808) mở khoa thi hội nhưng cho là mới đại-định văn-học còn ít bèn đình khoa thi hội. Các ngươi là kẻ đa-sĩ, nên dùi-mài nghiệp học để đáp cái lòng tốt của ta chuộng văn» *Đại-Nam thực-lục chính-biên*, quyển 31, tờ 8 a.

IX — Phong cho con cháu nhà Lê và cấp ruộng cho họ Trịnh

Tháng chín năm đầu 1820 vua Gia-Long phong cho Lê duy-Hoán làm Diên-tự-công. Đang khi loạn Tây-sơn, Duy-Hoán theo cha là Duy-kỳ Duy-kỳ này không phải là Lê Mân-đế chạy lên Bảo-lạc ; Duy-kỳ bị giặc giết, Duy-Hoán bèn trốn-tránh đến nhờ phiên-thần Thái-nguyên là Ma-thế-Cố. Vua Gia-Long cho tìm con cháu nhà Lê : Ma-thế-Cố tâu vua, vua bèn chiếu rằng : «Đứng Vương-giả dựng nước qui trọng con cháu đời vua trước là còn đạo trung-hậu đó. Họ Lê từ khi khai quốc đến thời trung hưng, các đời nối nhau hơn ba trăm năm 1428-1789, trước sau hai-mươi-nhăm vua : từ khoảng giữa về sau thì như dải mũ thừa nhưng còn là cộng chủ. Kịp đến khi Tây-sơn xướng loạn, miếu thờ hương lạnh khói tàn. Nay trẫm kính vâng oai Trời, họp bờ cõi làm một, nghĩ tôn điển-lễ, để giữ việc thờ cúng nhà Lê. Lê-duy-Kỳ tức Lê Mân-đế hoặc Lê chiêu-Thống, 1786-1789, tuy là đích phái vua Hiển-tôn 1740-1786, mà không biết giữ nước chạy sang Tàu ! Thương cho nhà ngươi trong khi loạn-lạc, đem mình chết vì việc nước, cũng là con cháu nhà Lê có người khá, trẫm rất khen ngợi, đặc-phong ngươi làm Diên-tự-công, đời nối tước vị, giữ việc thờ cúng miếu nhà Lê, cấp cho tự-dân 1 016 người, tự-điền một vạn mẫu. Nhà ngươi phải kính sửa lễ tiết, lâu dài việc thế-tự, để giữ phúc chung. »

Các chi con cháu nhà Lê đều được tha đi lính và tha thuế đao, thuế thân. Duy-Hoán vào lễ tạ, vua Gia-long cho mãng-bào quan-phục. *Đại - nam thực-lục chính biên* quyển 18, tờ 25 a.

Đối với họ Trịnh, thì tờ chiếu nói rằng : « Tiên - tổ nhà ngươi vốn là nhân thích của trẫm, trung - gian Nam Bắc chia cõi, đều là việc đã qua. Từ khi nhà Lê mất ngôi, miếu Trịnh khói tàn. Nay bốn bể dẹp yên, nói đến tình thân qua - cát, động lòng chẩn-niệm. Đặc cho nhà ngươi coi giữ việc cúng tế họ Trịnh, cấp cho năm trăm mẫu tự-điền, để cung vào việc thờ cúng, lại tha họ Trịnh 247 người khỏi điền lính, thuế đao và thuế thân» *Đại - Nam thực-lục chính-biên, quyển 18, tờ 26a.*

X. — Tổng-kết

Đại-Nam thực-lục chính biên quyển 60, tờ 21 a kết rằng «Vua Thế-tổ nối ngôi chúa ở Gia-định gồm hai-mươi hai năm 1778-1801. Kịp đến khi lấy lại được cựu kinh, kiến nguyên Gia long 1802, thiên hạ đã yên cả, mới lên ngôi hoàng đế, gồm mười tám năm 1802 1819. Dựng nghiệp trung hưng, công đức hơn hết, từ đời Hồng bàng trở lại, chưa có ông vua nào được như vua Thế tổ. Khi mới dựng nước đắp thành quách, sửa lăng tẩm, đặt đàn tế giao, nhà thái-miếu, nền xã tắc ; ban chức tước cho ăn lộc, mở khoa thi, lấy học trò, dạy việc lễ nhạc, dựng nhà học hiệu, định phép tắc, điều luật ; cho dòng-dõi Lê, Trịnh được tự điền, cho con cháu công thần được nhiêu ấm ; từ chối việc Tây di dâng phương vật, cẩn thận việc phòng bị nước Tiêm la, cưu mang Chân lạp, vỗ về Vạn tượng ; uy dậy phương xa, nhân khắc nước nhỏ, qui mô rất là rộng rãi.»

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ

(1) Bờ cõi Thuận hóa từ khi Nguyễn Hoàng (1558-1613) vào cai-trị, rồi thành nghiệp chúa phía Nam, đến vua Gia-long (1778 1819) khai sáng được hơn hai trăm năm, nên gọi là « hai trăm năm bờ cõi », « núi non giới hạn » là có cõi riêng ; « phong tục đổi dời » là tục dân cũng khác.

(2) Mười-ba đạo thừa-tuyên là : Nghệ-an, Thanh-hóa, Sơn-nam-hạ (Nam-định) Sơn nam thượng (Hà-nội), Hải dương, Kinh bắc (Bắc ninh), Sơn tây, An quảng (Quảng yên), Lạng sơn, Cao bằng, Thái nguyên, Tuyên quang, Hưng hóa.

(3) Vĩnh doanh bây giờ gọi là Vinh, tức là chữ Vĩnh mất dấu.

(4) Châu cầu ; nhưng sách chép là Cầu Châu.

Xem tiếp trang 20

Mười chuyện phi thường (miracles)

Trong đời vua Gia-Long

LONG-ĐIỀN

XƯA nay, ở đời những bực phi thường mới làm nên những việc phi-thường, và mới gặp được nhiều việc phi thường.

Chuyện phi-thường đó, người đời cho là cái may, nhà thuật-số cho là thiên-mệnh, huyền huyền, bí bí, thần-diệu, dị-kỳ, không biết tại sao mà có, tự đâu mà nên ; song xét cho cùng, cũng tự lòng người gây ra, cũng bởi đức người đem đến, cho nên người hiền hay gặp may, kẻ ác hay gặp dở.

Cái may trong đời người rất ảnh hưởng đến sự nghiệp, vì nhiều khi an-ủi được ta trong khi thất bại hay phấn khởi cho ta trong bước gian-nan.

Vua Gia-long là một vị anh-quân tài cao, đức cả, trong hai mươi mấy nam bôn-bá, gặp mười mấy lần gian nan mà lòng khôi-phục cơ-đồ, chí mở-mang đất nước, không thay, không nản, thì thật đởm lược phi-thường, ít ai sánh kịp.

Muốn treo cao tấm gương nhẫn-nại và dũng cảm ấy, tôi xin kể ra đây những chuyện phi thường mà vua Gia long đã gặp, có ghi rõ trong sử-sách và in sâu trong trí nhớ của dân gian.

1· **Trái Nam-trân.** — Tháng 8 năm Ất-mùi (1775), chúa Nguyễn Đinh-Vương : sau khi bị quân Tây-sơn chiếm đoạt Quảng-nam, liệu thế đã yếu, chống-cự không nổi, mới cùng cháu là Nguyễn Ánh (vua Gia Long) chạy vào Gia định.

Trong khi lánh nạn, đi lạc vào rừng, đến dãy núi về nguồn sông Cái, tức là nguồn Ô gia Đại-lộc Quảng-nam, quân lính hết lương. Lại gặp trận mưa như trút, ông Nguyễn Ánh mới truyền quân ẩn mưa dưới bờn núi Trước cảnh vất-vả đói-rét, ngài không biết tính thế nào, đành chỉ vái Trời rằng :

« Nếu Trời còn cho tôi hưng vận khôi - phục cơ-đồ, mở - mang đất nước, thì xin tạnh mưa và ban cho thứ gì ăn cho đỡ lòng quân-lính.

Thấy dứt lời, mưa liền ngớt tạnh, gió bỗng dừng im ; ngài lấy làm mừng, mới truyền đi kiếm hoa quả gì ăn. Quân lính được lịnh, bổ đi các ngả, tìm thấy một thứ cây, quả trắng nõn mọc từng chùm, liền hái về dâng. Ngài bóc xem, thấy vỏ mỏng có 5 múi, mùi thơm ngọt, liền cho tìm thổ-nhân đến hỏi, mới hay là trái lòn-bon, ăn rất lành, ăn bao nhiêu cũng không say mà đỡ đói được.

Ngài dùng thử, quả như lời, liền truyền cho quân lính hái ăn, đều được no-nê khỏe-mạnh. Ngài mới tạ ơn Trời, rồi đặt tên là « Nam-trân » nghĩa là « trái quí ở Quảng-nam ». Ngài truyền rằng : hễ sau này khôi phục được giang-sơn thì thần dân nơi ấy phải đem dâng tiến để nhớ lúc gian-nan.

Đến sau khi ngài định được thiên-hạ, lên ngôi hoàng-đế, đóng đô ở Phú-xuân, thần dân theo lời sắc của ngài, cứ mỗi năm mùa chính là tháng 8, nếu mùa chính mất, thì mùa trái là tháng 2 tháng 3 phải đem Nam-trân dâng tiến.

Hiện bây giờ ở núi Cửa-vườn và núi Lỗ-ô (về nguồn Ô-gia, Đại-lộc Thu-bồn Quế-sơn sắc giao cho ba làng sở tại là Tân-đạt, Hội-khách và Hữu - trinh canh giữ. Có đặt một người riêng để săn - sóc gọi là « Quản thủ Nam - trân ». Mỗi năm đến tháng 7 tên quân Nam-trân hiệp với chánh-tổng Phú-khê tổng sở-tại và kỳ hào ba làng trên xét xem hôm nào quả chín hái được, trình trước với quan huyện Đại-lộc phải khám rõ-ràng, rồi mới bẩm tỉnh. Đến ngày hái, quan tỉnh Quảng-nam phái một viên quan hội-đồng với quan Huyện đi hái.

Ngày hái quả Nam-trân cũng nô-nức không khác gì một ngày hội : thuyền xe như nước, áo quần như nêm, vì không những người ở quanh vùng đó, mà cả người thiên-hạ cũng đua nhau đến xem và đến hái nhộn nhịp tưng-bừng.

Khi quan phái đến nơi, liền nổi ba tiếng thanh-la, thiên-hạ đua nhau chạy vào rừng, hễ ai chiếm được cây nào, thì mắc vào cành một vật gì để đánh dấu lấy phần, hoặc treo cái áo, cái cái khăn, buộc cái nón, đeo cái giỏ : tỏ ra cây ấy có chủ không ai được tranh-giành nữa.

Phần ai nấy hái, hái xong đem ra tại bến sông. Khi ấy tổng-lý chọn lấy ở mỗi người một vài chùm quả tốt gọi là « nạp xâu », còn bao nhiêu cho người hái được đem về tùy ý ăn hay bán. Sau đến lượt quan phái chọn lại một lần nữa : lựa những quả thật tốt, thật trắng, lấy độ ba bốn chục giỏ, mỗi giỏ độ 150 quả, lấy lá ủ kỹ lên cho mát để giữ cho tươi, rồi đệ về tỉnh, tỉnh dâng về kinh đem tấu và tiến lên Thế-miếu, rồi mới ban cấp cho các quan ở Triều.

2· **Dân hai làng Vinh-quang và Dương-thiện cứu vua.** — Trong một trận vua Gia-long giao chiến với Tây-sơn ở Qui-nhơn không rõ trận nào về năm nào, ngài thua to, chạy mãi về phương đông. Theo ngài chỉ còn vài người tâm-phúc. Chạy mãi tới bờ hề, cùng đường : mặt trước nước trời mau mác, mặt sau quân địch đuổi theo, ngài đang luống cuống, tưởng khó mà trốn

thoát! Bỗng ngoài xa thấy một chiếc thuyền, ngài vội gọi, thì ra thuyền của dân hai làng Vinh-quang và Dương-thiện đi đánh cá. Thuyền ghé vào bờ, ngài và mấy người tùy-tùng xuống thuyền, thuật rõ lai-lịch và xin cầu cứu. Bọn chài lanh trí bảo mấy người vào nằm ép trong khoang, lấy lưới đắp lên trên, rồi lại tự-nhiên đánh cá. Quân Tây-sơn đuổi tới, gọi thuyền chở vào bờ, nhưng trông không thấy ai, liền theo ven bờ bể lùng tìm. Thế là ngài thoát nạn.

Ngài liền nhờ ngay thuyền ấy chở vào Nam-kỳ, Nhưng đến cửa bể Qui-nhơn, gặp thuyền buôn nước mắm ở Phan-thiết ra, ngài bèn sang thuyền buôn, vì sợ thuyền đánh cá nhỏ không vượt nổi bể cả.

Khi từ biệt, cảm cái ơn cứu mệnh, ngài muốn lưu dấu tích để ghi nhớ công ân hòng ngày sau báo đáp, nhưng trong lúc lánh nạn trong mình không có vật gì để lại làm tin. Muốn viết mấy chữ, như bút không có, mực thì không. Trong thuyền chỉ có cái chảo nấu ăn, ngài đành bảo lấy nước đổ vào trôn làm mực rồi cả hai tay xoa cho muội chảo dính đầy mới in vào một tờ giấy, Ngài bèn trao cho bọn chài hai làng tờ khoán in rõ 2 bàn tay ngài, và hứa khi nào khôi phục xong giang sơn, sẽ xá thuế cho hai làng đó.

Đến khi ngài lên làm vua, sắc trừ xưu thuế cho hai làng đời đời. Mãi đến năm 1928, không biết làm sao dân hai làng mới phải đóng thuế.

Hiện nay, hai làng Vinh-quang và Dương-thiện vẫn còn giữ được tờ khoán hai bàn tay vua Gia-Long.

3· Cá sấu đón thuyền. — Mùa đông năm bính-thân 1776, vua Gia-Long khi ấy còn làm Chưởng-sư tướng tả dực quân đem binh qua Long-xuyên, nhân đêm muốn vượt bể để tránh Tây-sơn, bỗng có cá sấu đón ngang thuyền, không sao đi được. Như thế đến ba lần, ngài mới chịu thôi. Sáng hôm sau, cho quân do xét. mới biết ngoài biển có quân Tây-sơn. Vì thế ngài không bị khốn.

4· Không gió mà cây đổ. — Cũng năm bính-thân 1776, sau khi Thái-Thượng vương và Tân-chính vương bị hại, ngài chạy thoát vào được Long-xuyên, tụ-tập nha trảo cũ, khởi binh từ đấy. Trong một trận đánh nhau với tướng Tây-sơn là Nguyễn Văn-Trương người huyện Lê-dương Quảng-Nam, có đờm-lược, ngài thua chạy. Trương đuổi theo kịp, ngài gần bị khốn thì bỗng dưng có một cây to không gió mà đổ, chắn ngang đàng. Trương lấy làm lạ, đem quân trở lui, không theo bức ngài nữa.

Đến tháng 7 năm đinh-vị 1787, ngài ở Xiêm về đến Long-xuyên. Nguyễn Văn-Trương nghe biết, đem 300 binh và 15 chiến-thuyền lạy ở bên đàng xin theo. Ngài liền phong làm Khâm-sai chưởng-cơ coi đạo tiên phong quân thủy.

5· Giả làm pho tượng. — Năm đinh-dậu 1777, Tây-sơn Nguyễn Văn-Nhạc được chúa Trịnh-Sâm phong làm Tuyên-úy đại-sứ Cung quận công trấn-thủ đất Quảng-nam, dảnh tay không phải phòng giữ mặt bắc, mới sai Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ kéo đại binh thủy bộ vào đánh Gia-định. Quân nhà Nguyễn chống không nổi, đại binh vỡ chạy. Cùng với hai viên cận thần, ngài chạy bộ lẩn vào trong đám loạn quân, thoát được ra ngoài bãi chiến-trường. Ba người chạy vào trong một con đàng đồng, thì trời đã tối. Hai bên ruộng nước mênh-mông mà quân Tây-sơn vẫn lùng tìm đuổi bắt rất gấp. Cánh đồng trơ-trọi, không có gò cao bụi rậm khả dĩ ẩn thân. Đương lúc luống-cuống, vẳng nghe tiếng mõ tụng kinh đàng xa đưa lại. Ngài mới định thần nhìn về phía đó, thì thấy một cảnh chùa nhỏ dưới đám cây lơ-thơ. Ba người không biết tính sao, đành liều chạy vào đó. Đến cửa, thấy cảnh mà thêm ngán, vì chùa nát bốn bức tường trống hổng, đứng ngoài trông suốt được cả vào trong, không còn chỗ nào kín đáo mà ẩn-nấp. Trước ban thờ Phật, một nhà sư có tuổi, bên ngọn đèn xanh, miệng tụng kinh, tay gõ mõ. Đến lúc túng, đành phải liều, ngài vội sấn vào trước mặt nhà sư, bạch rõ tình-thế và ra tay cứu giúp. Nhà sư dương mắt nhìn ba người, có ý ái-ngại, và trong khi nhìn ngắm, nhường ra chiều-nghĩ-ngợi kiếm kế cứu người lỡ bước. Bỗng nhà sư đứng phắt dậy, dắt ba người vào gần một chiếc hòm, mở lấy ra ba bộ cà-sa và mũ cánh sen, giục mặc cả vào, đưa ra chỗ bàn thờ Tổ, bảo khiêng ba pho tượng Tổ xếp hàng dưới đất, rồi bảo ba người lên ngồi im nhắm mắt trên bệ giả làm pho tượng đất.

Ba người vâng lời, vừa lên ngồi xong, thì tiếng nhạc ngựa của quân Tây sơn cũng vừa đến cửa. Tương Tây sơn đi thẳng vào chùa, gặp nhà sư liền hỏi một cách dữ dội hung hăng ra ý bắt nọn:

— Ta theo dõi ba người vừa chạy vào đây, nhà chùa chớ giấu giếm mà bị tội!

Nhà sư chắp tay ôn tồn cung kính:

— A di đà phật! Cảnh chùa trống rong thế này, xin quan cứ cho lục tìm, « bần tăng đâu dám to gan oa-trữ ».

Viên tướng Tây sơn nghe nói, dương mắt nhìn quanh như có ý cho là phải, lại nhân tiện lấy mắt lục tìm trong bóng tối, bỗng chạy vội lại gần bàn thờ Tổ chỗ ba pho tượng để dưới đất, rồi gọi nhà sư mang đèn đến soi.

Vua Gia long và hai vị cận thần cùng nhà sư xiết bao hồi hộp, đinh ninh chắc không thể thoát được. Ai ngờ tướng Tây sơn bắt giơ đèn soi gần vào ba pho tượng đất, rồi như sợ ánh đèn quá nhỏ không tin ở sức mắt mình, liền rút thanh gươm gõ vào pho tượng mà hỏi:

— Sao lại để đây?

Nhà sư cung-kính:

— Bẩm, chùa làng bên cạnh đột nát, sợ đổ, nên đem gửi nhờ ba pho tượng đó.

Viên tướng nghe nói, « hư » một tiếng rồi nghếch mắt lên nhìn ba pho tượng giả ngồi trên bệ, cũng lại như có ý cho là phải, nên tuy

Xem tiếp trang 14

KINH-ĐÔ HUẾ DƯỚI TRIỀU GIA-LONG

TIÊN-ĐÀM

SAU khi đức Cao-hoàng nhất thống được Nam Bắc, định đỉnh ở Phú-xuân, mới bắt đầu xây thành ấy theo qui-mô của những kỹ-sư người Pháp đã theo giúp ngài.

Thành Huế (thời Gia-long còn gọi là thành Phú-xuân) lúc mới dựng là một tòa thành gạch xây cao, chu-vi chừng sáu cây số, chung quanh có hào và pháo đài (coi bản đồ). Vào thành do mười cửa đều có cầu đá bắc qua. Hết lớp thành ngoài, ở trong giáp về hướng nam là thành nội, nơi vua ngự và trại lính, kho tàng.

Thành xây ngoảnh mặt về hướng nam, trước mặt là một sở giáo-trường lớn, rồi đến con sông Trường-tiền (tức là sông Hương giang). Sông này ăn thông với ba con sông con ở ba phía thành kia thành ra một từng hào thiên-nhiên. Ở phía bắc thành lại có một con sông đào chảy vào trong thành nội làm đường giao-thông bằng thuyền vì hồi ấy đường-xá chưa được tiện lợi.

Thành ngoại có 10 cửa : phía trước (hướng nam) hai cửa, phía sau hướng bắc hai cửa, còn hai phía đông, tây mỗi phía có ba cửa.

Trên các cửa thành đều có vọng-lâu lợp ngói làm chòi canh. Bốn góc thành lại còn có lầu chuông trong treo những chuông nhỏ, gió rung tiếng kêu keng keng. Những vọng-lâu và lầu chuông đều là chỗ cho lính trú canh ban đêm khi mười cửa thành đều đóng chặt.

Hồi ấy, cứ vào hồi canh hai khoảng chín giờ đêm cho đến sáng khoảng năm giờ sáng là đóng cửa thành. Sáng, chiều mỗi khi mở hay đóng cửa đều có bắn một phát súng thần-công làm hiệu.

Trên chúng tôi đã nói, kinh thành Huế hồi ấy không những là nơi vua ngự, lại còn có lính tráng, kho-tàng. Trong thành trừ vào nhà các quan, còn thì không có thường dân nào cả.

Các dân cư và việc buôn bán đều ở thành từng xóm nhỏ cách xa thành. Muốn từ xóm ấy vào thành, phải qua những cầu gỗ bắc qua sông con. Các cầu này nối liền ba phía thành đông, tây, bắc. Còn về hướng nam, trên sông Trường-tiền, sự đi lại vẫn dùng đò ngang, và những chiến-thuyền của nhà vua thường đóng cả ở đấy.

Trên bờ sông, ở giáo trường trông ra, cách một khoảng 12 cây số là núi Ngự bình, tiền án của kinh-thành, đứng sừng sững với cả một cảnh đẹp thiên-nhiên.

Cũng trên bờ sông, phía ngoài thành, giáp bờ sông, phía tay phải, là nhà Thủy-toạ của nhà vua có cầu đi ra ; gần đấy có trại lính kỵ-mã đóng.

Cũng phía ấy, giáp của tây-nam là xưởng đóng thuyền, gọi là mộc-thương ; còn bên tay phải ven sông là nhà Lương-tạ, nơi nghỉ mát cùng nhà tắm của vua và các phi-tần.

Nếu ta do hai cửa phía nam vào trong thành thì sẽ thấy :

Bên phải giáp thành, toà Khâm thiên-giám, cạnh đấy là đàn Xã Tắc và hai bên tả, hữu gần thành nội có hai trai súng.

Bên trái, giáp thành là nha Tam-pháp, nơi xét các việc oan ức và văn án các tỉnh đệ về để phúc thẩm và dâng lên ngự lãm 1.

Hai bên, về phía đông tây đều là trại lính đóng. Trại lính hồi ấy rất sơ-sài, chỉ là những dẫy nhà rào, ở trong chỉ có những giá súng và ít phản, bục làm nơi cho quân sĩ nằm.

Gần trại lính, về tay phải, có trường thi võ, tức là nơi cứ ba năm một lần mở khoa tuyển hạch nhân tài võ nghệ sung vào quân đội.

Về tay trái, cũng giáp các trại lính, có những dẫy nha-môn của lục-bộ : Hộ, Hình, Lễ, Lại, Công Binh. Ăn len vào khu này, có các dinh của các quan-lại cũng các tôn thất. Giáp tường thành nội đi về hướng bắc là Võ khố, nơi chứa khí giới, quân nhu. Vòng lại phía bắc, trên bờ sông đào, cũng có hai kho : kho tiền, kho gạo.

Bên bờ con sông đào trông ra hướng bắc có : Tịch-điền, nơi vua ra làm lễ cày ruộng ; trường thi văn, nơi kén lựa các sĩ tử để bổ dụng làm quan. Giáp hai bờ sông đào là nha Thừa-thiên, phủ, dinh quan Đề đốc và thư viện của nhà vua.

Vì phía thành ngoài này có con sông đào đi vào thành, nên chỗ góc thành tây bắc có dựng một sở pháo đài rất kiên-cố ; triều Gia-Long có đặt ở đây nhiều súng thần công lớn để phòng-ngữ.

Sau khi đã cùng độc-giả vào xem hết thành ngoài, chúng tôi xin cùng độc giả vào xem thành nội.

Khu thành nội làm xế về hướng nam, chung quanh có tường xây bao bọc. Đến đời Minh-mệnh lại còn xây cao hơn lên.

Thành nội là nơi vua ngự, vì là cấm-thành, nên người ra vào đều phải xét hỏi, trừ ra các quan-chức, thuộc-viên có đeo thẻ bài bay có lệnh-tiễn và đàn bà con gái ăn mặc tề-chỉnh. Còn thì những khi ai qua các cửa, lính canh đều có hỏi giấy-má hay vì việc gì mà vào thành. Khi được phép vào, lại phải ngả nón mà đi.

Thành nội, mặt chính nam có ba cái cửa lớn, qui mô theo kiến-trúc Trung-hoa, trên có vọng-lâu, đứng ngoài trông rất đồ sộ : ấy là cửa Ngọ-môn. Cửa chính có đường ngự-đạo. Trước mặt Ngọ môn là một nơi tiểu-giáo trường. Về thời Gia-Long, mỗi khi có cuộc diễn-tập, ngài thường ngự trên cửa Ngọ-môn ; quân lính chầy qua trước mặt đều phải qui làm lễ rồi lại tiến đi.

Qua cửa Ngọ-môn đến các cung điện : điện Cần-chánh ở giữa là nơi thiết đại-triều. Bên hữu điện Cần-chánh là viện Cơ-mật có nội-các, tức là văn-phòng

Xem tiếp trang 16

Lời dẫn

1. Trại súng
2. Điện Cần-chánh
3. Cơ mật.
4. Viện Thi
5. Điện Thái-hòa
6. Điện Cao-minh
7. Hồ Tĩnh-Tâm
8. Kho vàng
9. Bảo-dinh
10. Kho bạc
11. Đàn-Tế
12. Đường Ngự chơi mát
13. Trại lính tuc-vệ
14. Khâm thiên-giám
15. Đàn Xã-Tắc
16. Trường thi võ
17. Võ-Khố
18. Lục-bộ
19. Tòa Tam-pháp
20. Trường thi hương
21. Tịch-điền
22. Thư-viện
23. Thừa-Thiên-Phủ
24 Kho tiền
25 Kho gạo

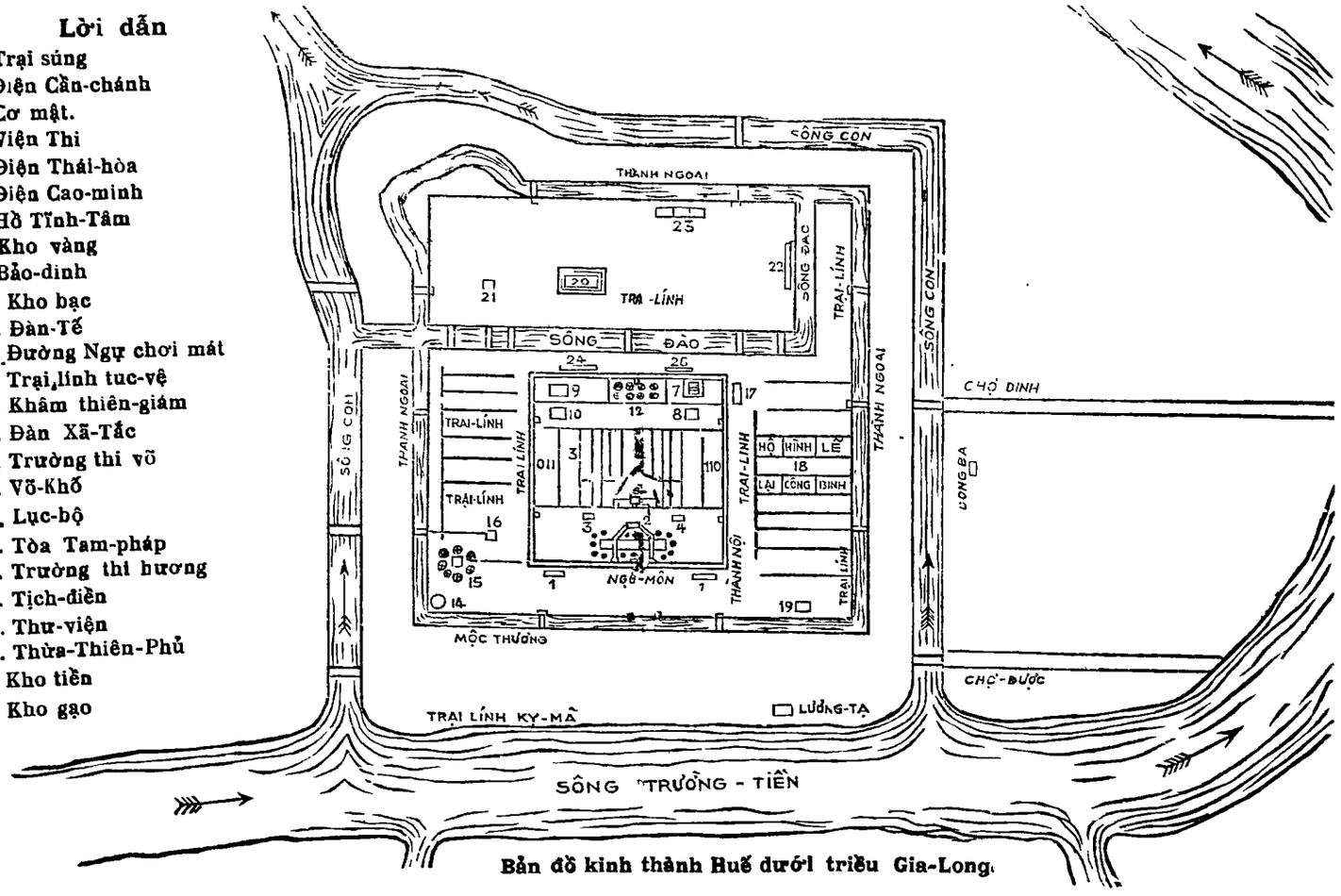

Bản đồ kinh thành Huế dưới triều Gia-Long.

Mười truyện phi thường

(*tiếp theo trang 11*)

trông mà không thấy, rồi hung hang đi ra.

Tiếng nhạc ngựa đã xa, ba pho tượng gỗ mới dám xuống bệ, trong lòng hồi hộp chưa nguôi cơn sợ lúc vừa qua.

Cảnh chùa đó ở Tân sơn như về vùng Gia-định, hiện chưa khảo được tên chùa là gì.

6· **Bầy rắn đội thuyền dẫn lối.** — Tháng tư năm nhâm dần 1782 vua Gia long khi đó còn xưng vương sau khi thất thủ Sài-gòn, ngự thuyền chạy vào Hà tiên Thuyền nhỏ ra biển đêm tối không biết lối đi, lại thêm sóng dữ; song tựa hồ như có vật gì đội dưới đáy thuyền, thuyền cứ đi. Mờ sáng mới hay là một bầy rắn. Các quan theo đều sợ, ngài giục cứ chèo. Một chập sáng, rõ lối đi, bầy rắn tan hết. Thuyền ngự tới được cù lao Phú-quốc.

7· **Cá sấu đỡ trâu.** — Lại cũng tháng tư năm qui mão 1783, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ lại đem binh vào đánh. Ngài thua chạy vào Tam phụ. Các quan chạy được theo còn có Nguyễn kim-Phẩm và 5, 6 người.

Quân Tây-sơn đuổi theo đến sông Lật, giòng nước chảy mạnh, không có thuyền qua ! May ngày thường, ngài hay tập lội, nên gặp nạn, ngài liền lội qua sông.

Kịp chạy đến sông Đằng có nhiều cá sấu, ngài không dám lội May có một con trâu nằm bên bờ sông, ngài liền cưỡi trâu lội qua. nước sông mạnh, trâu suýt bị giòng nước cuốn, nhưng bỗng có cá sấu đỡ trâu dìu được vào bờ. Vì thế binh Tây-sơn không đuổi kịp, ngài thoát nạn, chạy vào My-tho, thau-thập ghe thuyền phụng đức Vương mẫu và cung quyến tới trú tại đảo Phú quốc.

8. **Cơn bão giải vây.** — Tháng 7, năm qui mão 1783 ngài đem binh ra đảo Côn lôn. Quân Tây sơn biết đem đại đội chiến thuyền vào vây ba vòng quân binh trùng trùng điệp điệp. Ngài tự liệu khó lòng thoát được, vì binh thuyền ngài ít khôn thể phá vây. Trời đang trong, sóng đang lặng, bỗng mây kéo đen tối, đến nỗi xa không trông rõ người, mưa gió ầm ầm làm nhiều chiến thuyền của Tây sơn chìm đắm ! Thật là một cơn bão lớn. Nhân thế, ngài mới thúc thuyền vượt được vòng vây, chạy được tới cù lao Cổ-cốt rồi mới lại chạy về Phú quốc. Quân sĩ rất là vất vả, lại thêm lương thực hết phải ăn khoái đỡ lòng. Khi ấy, có một người đàn bà buôn bán ở Hà tiên tên là Thị Uyển dâng một thuyền gạo.

9. **Giòng nước cứu mạng.**— Cùng tháng ấy, một hôm, ngài cho chèo thuyền ra cửa bể Ma ly thám thính tình hình bên địch. Không ngờ gặp 20 chiếc thuyền Tây sơn ; Ngài liền truyền kéo buồm chạy rông ra bể cả. Nhờ thuyền nhẹ chạy gặp gió, Tây sơn đuổi không kịp ; nhưng ngài còn sợ chưa dám trở về, đành cứ lênh đênh trên mặt biển. Sau trong thuyền hết nước uống, quân sỹ nhôn nhao, ngài lấy làm lo : về, sợ Tây-Sơn ; ở sợ khát; không biết làm thế nào, chắc phen này khó thoát, vì mênh mông bể cả làm gì có nước ngọt mà dùng !

Ngài không biết tính làm sao, đành chỉ ngửa mặt khấn Trời phù hộ, thì tự nhiên gió lặng sóng im, trên mặt bể hiện ra hai giòng trong đục rõ rệt, một người trong thuyền múc một ít nước trong, uống thấy ngọt liền la mừng. Ngài thấy vậy, lạy tạ Trời, rồi sau múc trữ lấy 4 ,5 chum nước ngọt. Múc xong một lúc, hai giòng nước lại hòa, nước ngọt mất Nhân có sẵn nước dùng, ngài cứ cho thuyền lênh đênh ngoài khơi tới 7 ngày đêm. Bên địch thấy lâu bỏ đi, ngài mới dám trở về Phú quốc.

. . .

Nhân hai chuyện trên đây 8e và 9e mà trong văn chương triều Nguyễn các bực văn hào hay dùng 4 chữ «*Sơn phong hải lễ*» để nói cái đức của vua Gia Long.

Trong bài văn tế trận vong tướng sĩ của quan Tiền công quận công Nguyễn văn - Thành đọc ở Thăng long để truy điệu các sĩ đã từng theo vuaGia Long đánh dẹp, có câu :

Trước từng-trải Tiêm-la, Cao-Mên về Gia-định mới dần ra Khánh Thuận, đã mấy buổi sơn phong hải lễ, giời Cao, Quang soi tỏ tấm kiên-trinh ;

Rồi lại từ Đồ - bàn, Nam, Nghĩa lấy Phú-xuân mà thẳng tới Thăng-long, biết bao phen vũ pháo vân thê, đất Lũng-thục lăn vào nơi hiểm cố.

10· **Nhờ con Nai mà sau hạ được thành Qui-nhơn.** — Tháng 5 năm Kỷ-vị 1799 ngài đem quân vây thành Qui nhơn khi ấy về tay Tây-sơn. Vua Tây-sơn đóng ở Phú-xuân sai Trần Quang - Diệu và Vũ văn-Dũng đem binh vào cứu. Đi đến Quảng - nghĩa, dò biết binh của Nguyễn - văn - Thành đóng giữ ở Thạch-tân, Vũ-văn-Dũng liền cho đóng quân ở Chung-xá. Đến đêm, bỗng có con nai trong rừng chạy ra, Có người trông thấy, kêu to lên : « Nai ! Nai ! ». Quân Tây-sơn nghe, tưởng là quân Đồng-nai tức là quân chúa Nguyễn đến bất thình lình, phát hoảng-sợ luống-cuống. Quân Nguyễn văn-Thành được tin, thừa thế tới đánh tan quân cứu - viện của Tây-sơn.

Quan Trấn-thủ Qui - nhơn là Lê văn-Thanh không thấy cứu binh đến, lại trong thành lương thực hết bèn cùng các tướng mở cửa ra hàng.

Ngài đem quân vào thành, liền đổi tên Qui-nhơn gọi là Bình-định.

. .

Đồng thời với vua Gia-Long, bên Pháp có Na-Phá-Luân, bên Mỹ có Hoa-Thịnh - Đốn, đều là bực phi phàm, xuất chúng, đức cả, tài cao.

Vì có đức lại có tài, nên mới được nhiều người thần - phục ; lương-dân giúp đỡ như bà thương-phụ Thị-Uyển, bạn chài Vinh-quang, Dương-thiện ; anh-hùng phò-tá như Nguyễn văn-Thành, Lê văn-Duyệt, Võ Tánh, Ngô tòng-Chu v.v. Vì vậy bao nhiên năm bô bá, gấp mười lần nguy - hiểm, mà tấm lòng hoài bão vẫn không sờn, thật là đởm lược phi-thường, mới làm nổi những việc phi-thường, và mới gặp được nhiều việc phi thường đến thế.

Vì ngài có chí kiên nhẫn, nên sau khi nhất thống tam kỳ, đại định thiên hạ, thời nhân có câu hát rằng :

«Hết lòng mở nước, trị dân,
«Đã nhiều bên vũ, bên văn cũng nhiều...»

LONG-ĐIỀN

LĂNG ĐỨC GIA-LONG

Từ-Lâm NGUYỄN XUÂN-NGHỊ

LĂNG đức Gia-Long hay Thiên-thọ lăng ở vào một nơi lắm nui, nhiều cây, lại có sông, có hồ, nên nhiều người cho là một nơi đất quí. Nơi ấy xa thành phố Huế độ 16 cây số; muốn cung-chiêm, phải đi đò một quãng, vì tôn-lăng ở về hữu ngạn sông Tả-trạch.

Sau khi ở bến đò đi lên độ 300 thước thời thấy một ngôi đình của làng Đình-môn và nhà quan-cơ Quan Thủ-hộ Chánh-sứ tức là quan coi lang). Đến đấy đường sẽ phân ra 2 ngả; nếu muốn đi thẳng ngay đến làng Thiên-thọ thời đi về bên tay trái. Lăng Thiên-thọ cách đấy gần 2 cây số. Nếu theo ngả tay phải thời sẽ tới lăng Thoại-thánh, tức là lăng đức Hưng-tổ Hiếu-khương Hoàng-hậu sinh ra đức Gia-Long.

Điện Thoại-thánh mỗi bề gần hai chục thước tây, mặt tiền có lầu 3 cửa ra vào, 2 bên có tả hữu phối-đường, phía sau còn có một ngôi nhà nhỏ nữa. Lăng Thoại-thánh ở ngay bên cạnh. Trước mặt có một cái hồ sen, nhiều hoa, nhiều hương to hạt và thơm nên hàng năm vẫn tiến Nội.

Lăng Thoại-thánh có 3 từng sân, rồi đến Bửu-thành, giữa có cửa niêm và khóa. Bên trong còn có một lần tường xây xung-quanh rồi đến nhà mồ bằng đá tục gọi là « thạch-ốc ».

Chính đấy đã nghỉ giấc ngàn thu của bà mẹ hiền-từ sinh ra nhà vua khai-sáng. Ngài người tỉnh Quảng-trị, cha là Nguyễn-phúc-Trung, mẹ họ Phùng, Ngài sinh năm 1738, và sau có 3 con trai, đức Gia-Long là con trai thứ hai.

Về lăng Thoại-thánh có sách chép rằng: Sau khi quan Khâm-thiên-giám đã phân kim lựa được đất mới, tâu đức Gia-Long và Hoàng-tử lên tận nơi để xem. Khi l nh đào sâu xuống thời thấy đất ở dưới là đất « ngũ sắc » Các quan đại-thần có mặt tại đấy đều vui vẻ mừng nhà vua. Duy chỉ có một vị đại-hần tên là Nguyễn Văn Thành, làm thinh không nói chi cả. Nhà vua thấy vậy mới hỏi, thời vị đại-thần ấy tâu rằng: Đất « ngũ sắc » khô g lấy gì làm la, chính ngay tại mộ thân-mẫu ha-thần cũng có đất « ngũ sắc » mà coi còn tốt hơn! Nhất là chỗ này hạ thần còn e sẽ bị sét đánh nữa, vậy Hoàng đế nên cho lựa nơi khác... Nhà vua nghe xong, đang vui hóa buồn, nhưng được Hoàng tử (tức là đức Minh-Mạnh sau này) gạt đi mà nói rằng: « Không sao, trời chỉ cho sét đánh trên những mồ-mả của quân Tây-sơn mà thôi, vì họ muốn tranh quyền cướp nước ».

Nghe hữu-lý, đức Gia Long lại vui-vẻ và cho khởi công xây lang.

Từ làng Thoại-thánh đi xa một quãng nữa sẽ tới điện Gia-thành trong thờ ngài Thuận-Thiên Cao Hoàng-hậu, sinh ra đức Minh-Mạng, còn lăng ở bên gọi là Thiên-tho Hữu Điện và lăng tương-tự với Thoại-thánh.

Ngài Thuận-Thiên Cao Hoàng-hậu người làng Văn-xá Huế, con gái ngài Trần Hưng-Đạt, trước làm Tham-tri bộ Lễ, sinh năm 1769. Ngài tiến cung từ nam 12 tuổi, đến năm 22 mới sinh ra đức Minh-Mạng. Ngài mất nam 1846.

Cách điện Gia-thành độ 200 thước sẽ tới điện Minh-thành là nơi thờ đức G a-Long và Hoàng-hậu Thiên-Cao.

Đức Thiên-Cao Hoàng-hậu là con gái ngài Tổng Phúc-Khuông, một vị đại-thần thanh-liêm, người làng Bùi-xá Thanh hóa sinh nam 1762. Lúc bình-sinh thường theo đức Gia-Long ra trận. Có sách chép lại rằng: Một lần thủy-chiến với quan địch. Chính tay ngài mang bao cầm dùi trống thúc quân cố tiến. Trận ấy thắng, nên đức Gia Long rất yêu-qui. Ngài mất năm 1814, chỉ sinh được 2 con trai, nhưng một người mất sớm, còn người thứ hai tức là Hoàng tử Cảnh. Đức M nh-Mạng là con ngài thứ-phi nhưng là con nuôi đức Thừa-thiên Cao Hoàng-hậu, nên sau được lên ngôi.

Khi xưa, trong điện Minh-thành có bày những áo giáp, gươm, súng, yên ngựa, là những vật kỷ-niệm để lại của đức Gia-Long. Năm 1860, những thức ấy bị hư nát vì lâu ngày, bộ Lễ có tâu đức Tự-Đức xin sửa lại, nhưng ngài không chuẩn y và truyền nên để y nguyên cho hậu thế trông thấy cái gương sán-lạn về binh quyền của một nhà vua anh-hùng lừng-lẫy, 23 năm chống-cự với quân Tây sơn. Đến ngày nay, tại điện Minh thành những thức ấy không còn nữa, chỉ còn bày những bộ ngũ sự, các vật của nhà vua khi sinh thời thường dùng hằng ngày như ấm, chen, trâp trầu, nghiên-mực, bút, v. v...

Còn lang Thiên-thọ ở gần bên điện Gia thành. Tính tới ngày nay đã hơn một trăm năm, nên các tượng quan văn, võ, và voi, ngựa bằng đá cùng các thành thang cham rồng luôn với đá lát sân đều cũ-kỹ, nhuộm một loat màu đen.

Bước lên ba cái sân, tới Bửu-Thành, trong xây hai cái nhà mồ bằng đá liền nhau: đấy là mộ đức Thế-Tổ Cao hoàng-đế Gia-Long và đức Thừa-thiên Cao Hoàng-hậu chánh-phi của ngài.

Bên trên lăng và về phía sau có xây một cái bờ thuôn thuôn và dốc xuống hình móng ngựa đo được hơn một trăm thước. Đứng trên gò Chánh Trung ấy trước mặt sẽ thấy hai trụ biểu cao ngất, còn xa xa thời những ngon núi nhấp nhô có mây phủ ở giữa là núi Thiên thọ còn tả, hữu mỗi bên 14 ngon và phía sau còn có 6 ngon núi nữa. Nhà bia cũng xây trên một ngon nui thấp ở bên lăng.

xem tiếp trang 16

Kinh đô Huế

tiếp theo trang 13

của nhà vua; bên hữu là nhà duyệt-thị (?), nơi bàn - bạc công việc sau những buổi triều-hội.

Sau các nhà này có một bức tường chắn ngang chia thành nội làm hai, có ba cửa, cửa giữa để riêng nhà vua ngự. Ngay cửa giữa vào là điện Thái-hòa, qui-mô cũng như điện Cần - chánh, chỉ khác là không có những hành-lang. Trong điện Thái-hòa trần thiết rất đẹp, có những chậu sứ cổ giồng cây. Trong hồi đức Gia-Long và đức Minh-Mệnh trị vì, điện này là nơi vua ngự hằng ngày xét việc quân quốc.

Sau điện Thái-hòa đến cái sân vuông, rồi đến điện Cao-minh và những nhà thuộc về đại-nội.

Chung quanh cấm thành đều lát đá thanh và gần đây có dinh-thự các thân-vương, tôn - tộc ở rải rắc. Lại có trại lính thị-vệ là những lính phải chầu-hầu nhà vua những khi ngài thiết triều hay ngự giá ra ngoài Hoàng-thành.

Sau lưng đại-nội có một lối trồng tre mát mẻ là nơi vua ngự ra chơi mát. Gần đấy có kho vàng, kho bạc, nơi để những của-cải châu - báu của đương-triều. Sau các nhà kho giáp tường thành là hồ Tịnh-tâm, trong hồ có nhà thủy-tọa, và giồng toàn sen, dùng làm chỗ nhà vua tránh nắng, nghỉ mát.

Phần trên chúng tôi đã phác qua cảnh - trí kinh - thành Huế về đời Gia - Long theo tài liệu quan-sát của người đương thời (2). Ngày nay Huế đã trở nên một thủ-đô huy - hoàng tráng - lệ, nhưng những dấu - vết cũ của đức Cao-Hoàng, những qui - mô hùng-vĩ của cung - điện còn lại cũng đủ cho ta lĩnh - hội cái chí mở-mang của ông vua sáng - lập triều Nguyễn.

TIÊN-ĐÀM

1) Sau khi nhất thống Nam Bắc, vua Gia-Long nghĩ ngay việc cai trị, sai quan tổng-trấn là Nguyễn văn-Thành soạn luật-lệ theo như luật-lệ nhà Thanh, tức là quyển *luật Gia long* mà gần đây xứ Trung kỳ còn dùng. Đến đời Minh-mệnh lại đặt ra lệ thu thẩm : đến mùa thu, các án đệ vào Hình-bộ xét rồi dâng lên ngự-lãm, nhà vua dùng mùa thu mát-mẻ xét việc cho được minh mẫn và chu-đáo, văn án nhiều việc xử rất công-minh.

2) Theo tài - liệu của ông Michel, Đưc, Chaigneau ở quyển Souvenirs de Huế. Sách của Trung-ương thư - viện, số 1927.

Kỳ này có kèm tranh phụ bản Vua Gia Long và Đức Cha Cả.

Lăng đức Gia - Long

(Tiếp theo trang 14)

Nói tóm lại, điện Minh-thành, lăng Bi-đình đều xây trên núi cả, vì vậy nhiều người đồng ý với câu sau này của tác-giả bài « *Mười ngày ở Huế* » đăng trong Nam-Phong tạp-chí số 10 : « . . . Có người cho lăng Đức Minh-Mệnh là đẹp, có người cho lăng Đức Tự-Đức là khéo. Tôi lấy lăng Đức Gia-Long là hùng hơn cả. Nhưng một triều được mấy vua sáng-nghiệp ? Công khai sáng chỉ có một đời mà nền bình-trị muôn thủa. Cho nên các Lăng khác có văn vẻ mà thực là kém bề hùng tráng vậy ».

Từ-Lâm NGUYỄN-XUÂN-NGHỊ
(Huế)

Xin thể tình cho

Vì kỳ này nhiều bài mà số trang báo có hạn, nên không đặt được hết những bài đã rao trước và phải gác lại những bài gửi đến khi muộn. Chúng tôi sẽ liệu đặt dần từ số tới trở đi.

Vậy xin các bạn và các độc-giả thân yêu lượng thứ cho. Vạn tạ.

T. T.

Sách mới

Tri - Tân nhận được và xin giới thiệu cùng độc-giả :

1· *Ngọc-Hân công-chúa* (lịch-sử tiểu - thuyết) của Tùng-Phong do nhà in Giang-Tả, 94 Charron, xuất-bản.

Sách in đẹp, giầy hơn 100 trang, giá 0p.70.

2· *Thi-Thoại* của Văn Hạc do Quốc Học thư xã xuất bản. Trong sách tác giả phê bình về thơ.

Sách giầy 260 trang, giá 2p.00

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP ĐÔNG - PHÁP
HAI TÁC - PHẨM NGHỆ THUẬT MỞ ĐẦU
CHO NHỮNG SÁCH CÓ GIÁ TRỊ KHÁC
của
Nhà xuất-bản " MỚI "
57 — Phúc Kiến — HANOI

KINH CẦU TỰ
Tập văn xuôi đầu tiên của thi sĩ HUY CẬN, bìa mỹ thuật do thi sĩ PHẠM HẦU trình bày
1000 bản thường, giá mỗi bản : 0p85
46 bản Lụa gió, còn 8 bản giá mỗi bản : 3p50
30 bản Vergé bambou, còn 6 bản, giá mỗi bản : 4p40

TIÊU NHIÊN MỊ CƠ
Phóng tác của VŨ NGỌC PHAN một áng văn chương của thế-giới *Giá : 1p25*

ĐANG IN :
LẦM TIỀN
Phóng sự của TRỌNG LANG tác giả Hà nội Lầm than

CON NHÀ NGHÈO
tiểu thuyết của Phiêu Linh

NỖI LÒNG TỐ-NHƯ
Dưới triều GIA-LONG

KIỀU THANH-QUẾ

So sánh hai áng văn-chương ra đời dưới triều ấy: Kiều và Hoa-tiên

Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ thùy nhân khấp Tố-Như ?

Bà trăm năm nữa làm sao biết
Thiên hạ ai người khóc Tố-Như !

Tác-giả *Truyện Kiều*, Tố-Như tiên sanh, có một nỗi lòng khôn tả !.. Sách *Chánh biên liệt truyện* có đoạn chép đại khái rằng : Khi Tố Như tiên sanh bệnh nặng, tiên sanh không chịu uống thuốc. Lúc sắp lâm chung, tiên sanh bảo người nhà giở tay cho mình coi ra sao. Khi biết tứ chi lạnh cả rồi, tiên sanh nghẹn ngào hắt ra một tiếng cộc lốc : Thôi được ! Nói xong thì tắt thở ; không có một lời trối trăng !

Nhưng người đời sau có kẻ bảo rằng Tố Như tiên sanh lúc lâm chung có thốt ra hai câu :

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ thùy nhân khấp Tố Như ? (1)

Xét về hai câu ấy, Phan văn-Hùm viết :

« Nguyên Truyện Kiều thuật rằng Túy Kiều về

«... *Năm Gia-Tịnh, triều Minh.*

« Triều Minh vốn ở vào khoảng 1368-1644, mà năm Gia tịnh, thì chính là năm 1522.

«Còn Nguyễn Du người nhắc lại đời Thúy Kiều, thì mất ngày mùng mười, tháng tám, năm canh-thìn, tức là 16 Septembre 1820 trong lịch Tây.

« Tính ra, từ năm Gia-tịnh triều Minh (1522), đến năm Canh-thìn (1820) thì sẽ sít số 300 năm.

« Vậy đến ngày chết, Nguyễn-Du vẫn mang canh-cánh bên lòng truyện Thúy Kiều rằng ám nớ, mình khéo dư nước mắt khóc người ở 300 năm trước mình, rồi nhân đó mà liên tưởng nghĩ đến sau mình 300 năm không biết có ai giùm khóc mình như mình đã khóc Thúy Kiều chăng (2)».

.·.

« ... Đến ngày chết, Nguyễn-Du vẫn mang canh cánh bên lòng truyện Túy Kiều » !

« Thúy-Kiều khóc Đạm-Tiên, Tố-Như tử làm truyện Thúy-Kiều. Việc tuy khác nhau mà lòng thì là một, người đời sau thương người đời nay, người đời nay thương người đời xưa, hai chữ tài-tình thật là một cái thông lụy của bọn tài-tử khắp trong gầm trời và suốt cả xưa nay vậy. (3)

(Thúy-Kiều chi khấp Đạm-Tiên, Tố-Như tử chi truyện Thúy-Kiều, tích tuy thù, nhi tâm tắc nhứt. Hậu chi liên kim nhân do kim nhân chi liên cổ nhân : « tài tình » nhị tư thành phổ thiên hạ cổ kim tài tử chi thông lụy dã) (4).

Do theo lời Mộng-Liên-Đường chủ-nhân, nỗi lòng nàng Kiều, tức là nỗi lòng Tố-Như.

Nỗi lòng nàng Kiều, như thế nào, tất ai cũng biết ! Vì *Truyện Kiều* hiện là một áng văn-chương rất phổ thông. Vậy còn nỗi lòng Tố-Như ra làm sao, để có thể bảo đi-đồng với nỗi lòng nàng Kiều ?

Giải phẫu nỗi lòng Tố-Như, tức là nghiên cứu về *hoàn cảnh* của Tố-Như tiên-sanh, trong đó *Truyện Kiều* được cấu-tạo nên. Vì « ... *các điểm cốt yếu trong một đời danh đại sĩ, thi gia, là điều này : thấu triệt, khái quát về phân tách tất cả con người vào lúc mà, bởi một sự giúp sức chậm chạp hay dễ dã đôi chút, thiên tài ông ta, học vấn ông ta và các trường hợp đồng hiệp lại cách nào để ông ta có thể đẻ ra được tác phẩm đầu tiên*» (5).

.·.

Tác-giả *Truyện Kiều* hủy là Du tự là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, người làng Tiên-điền, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh.

Tiên-sanh là con thứ bảy và là con bà trắc-thất của Xuân quận-công Nguyễn-Nghiễm, sanh vào năm Ất dậu (1765) thời Lê mạt. Bác và anh đều đậu tiến sĩ, làm quan hiển hách. Xem gia thế nhà tiên sanh, tất biết cái hoàn cảnh gia đình giáo dục, nó đào tạo nên thiên tài tiên sanh, tốt đẹp là dường nào...

Tố Như tiên sanh như thi hào Tagore thuở nhỏ học với anh em chú bác nhiều hơn học với thầy. Năm 19 tuổi, tiên sanh đã đỗ tam trường, tức là đậu tú tài. Thiệt là :

Nền phú quí, bực tài danh,
Văn chương nết đất, thông, minh tính trời.

Phong tư tài mạo tốt vời,
Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa.

Năm đinh vị (1787), vua Quang Trung nhà Tây sơn đuổi Lê Chiêu Thống chạy sang Tàu, đóng đô ở Phú xuân, gọi đất Thăng long cố đô của Hoàng triều là Bắc thành trấn Sĩ phu cựu thần nhà Lê lấy đó làm một điều đau lòng : có kẻ bỏ đi ; có người tuẫn tiết ; có nhóm hưng khởi nghĩa binh chống chỏi. Năm ấy Tố Như tiên sanh mới 23 tuổi, cũng lấy tư cách con nhà thế gia lênh tộc dự vào đảng cần vương. Nhưng khí thế Tây-sơn mạnh lắm ! Vua Chiêu-Thông vẫn im hơi bặt tiếng bên Tàu. Tố-Như tiên sanh liệu khó bề mưu việc khôi phục đặng, bèn lui về quê, tự hiệu là Lạp-Phu, lấy sự săn bắn ngâm thơ uống rượu làm cớ tiêu sầu. Tiên-sanh thường ngâm :

«Trí giao quái ngã sầu đa mộng!
Thiên hạ hà nhân bất mộng trung ?»
Bạn lạ sao ta nhiều mộng - ao !
Người đời ai kẻ chẳng mơ-mòng ?

Trong lúc triều pha, gia vong, làm người dật sĩ, Tố Như tiên sanh :

«Đa nguyền hai chữ đồng tâm
Trăm năm thề chẳng ân cầm thuyền ai.»

Nhưng năm nhâm - tuất (1802), vua Gia-Long thông - nhứt giang sơn, muốn thâu phục nhân tâm Bắc-hà, xuống chỉ lục dụng các cựu thần nhà Lê ; Tố - Như tiên-sanh có tên trong số người được vời ra làm quan Hai ba lần từ chối không được, tiên-sanh đành phải :

«Bó thân về với triều đình.
Hàng thần lơ láo, phận mình là đâu !»

Thời bấy giờ có hai câu thơ truyền-khẩu châm biếm bọn di thần nhà Lê ra đầu Gia-Long rất là cay đắng :

« Nhất đội Di, Tề hạ Thú-dương
Tự ngôn vi khổ bất kham thường !
Rau vi trong núi đắng ngòm,
Bọn Di, Tề giả đói mòm bò ra»! (6)

Tố-Như tiên-sanh ra làm quan, có phải vì sợ đói, sợ rau vi trong núi đắng đâu. Nhưng người đời có biết cho nỗi lòng tiên-sanh đâu Đó là khổ tâm nhứt đời tiên-sanh. Tiên sanh thật :

Đã không biết sống làm vui,»
Tấm thân nào biết thiệt - thòi là thương !»

Vua Gia-Long là đấng chí-tôn rất độ lượng : khi ra Thăng-long, ngài có câu :

« Tro Lê lạnh-lẽo đã lâu,
Đành bên Tây tặc biết hầu để ai »

Ngài càng rõ nỗi lòng Tố-Như tiên-sanh, ngài càng qúy mến tiên sanh. Trên bước hoạn đồ, ngài cất tiên - sanh lên luôn. Năm Gia-Long nguyên niên 1802 Tố-Như tiên-sanh mới trí huyện Phù-dực nay thuộc tỉnh Thái-bình ; trong ít lâu, được bổ trí phủ Thường-tín. Nhưng tiên sanh cáo bịnh từ quan, bởi nghĩ :

«Áo xiêm buộc trói lấy nhau,
Vào luồn, ra cúi cộng hầu mà chi ?»

Vua Gia-Long vẫn mến người tài danh, năm bính - dần 1806 triệu tiên - sanh vào Kinh lãnh chức Đông-các học-sĩ. Năm kỷ-tỵ 1809, tiên-sanh được bổ làm Cai-hạ tức Bố-chánh Quảng - bình. năm qúy-dậu 1813, tiên - sanh thăng lên Căn-chanh điện học sĩ, sung chức chánh - sứ sang Tàu tiến cống.

Lần đi sứ này, Tố-Như tiên-sanh rất bằng lòng. Các danh lam thắng tích đất Tàu, tiên-sanh du lãm qua, nó gợi cho tiên-sanh bao thi tình, thi tứ !... Cuộc hào du ấy chẳng những mở rộng trí thức, lịch duyệt cho tiên - sanh, còn mang đến cho tiên-sanh một tác phẩm : *Kim Vân Kiều tân truyện* của Thanh-Tâm tài-nhân. Do đó tiên-sanh ngụ ý viết nên *Truyện Kiều*.

Mượn cốt truyện của Thanh-Tâm tài-nhân viết nên 3200 câu lục bát trong *Truyện Kiều*, Tố-Như tiên sanh không phải vì cái tâm-sự của nhân vật chánh của Thanh Tâm tài nhân, mà chính vì mình vì nỗi lòng của mình.

Thảo nào đề tựa *Đoạn trường tân thanh* nguyên danh *Truyện Kiều* Phạm Qúy-Thích chẳng có hai câu :

«Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy,
Tân thanh đáo để vị thùy thương?»

Tài tình là lụy muôn đời,
Khúc « Tân thanh » ấy vì ai đau lòng ? (7)

Rõ-ràng Phạm Qúy-Thích muốn nói Tố-Như không phải vì nàng Kiều của Thanh-Tâm tài-nhân mà đau lòng viết nên *Truyện Kiều*. Cái nguyên - động - lực xui Tố - Như viết *Truyện Kiều* chính là nỗi lòng Tố-Như !

Truyện Kiều, phản ảnh của nỗi lòng Tố-Như dưới triều Gia-Long, qủa là một tác phẩm đáng với nhận xét này của nhà phê-bình nước Pháp Taine : « Các tác phẩm là những phát hiện của cách nghĩ và cảm về một *chủng-tộc*, vào một *hoàn cảnh* nào, trong một *phong-thổ* nào ». Les ouvrages sont des manifestations de la façon de penser et de sentir d'une *race*, à un certain *moment*, dans un certain *milieu*.

Truyện Kiều là một áng văn-chương không tiền, tuyệt hậu. Nó ra đời dưới triều Gia-Long, đồng thời với một áng văn chương khác hiện nay cũng còn hữu danh : *Hoa-Tiên truyện*.

Hoa-Tiên do Nguyễn Huy-Tự đời Hậu Lê phỏng theo một tiểu thuyết Tàu viết ra. Đến đời Gia-Long, ông chủ của Tố Như tiên sanh là Nguyễn Thiện nhuận - sắc lại.

Truyện Kiều về giá trị văn chương ăn đứt *Hoa Tiên*. Nhận xét này sẽ được minh chứng bằng những giòng chép trong *Truyện Kiều* và trong *Hoa-Tiên* đem đối chiếu nhau dưới đây :

Hoa-tiên

Chập chờn cơn tỉnh cơn mê trước đình
Làm chi đem giống khuynh thành trên ai?
Bại hồng rứt nẻo đi về chiếm bao.
Thần thờ mây sớm đèn khuya,
Trà gây giọng khát, hương khuê mùi sầu.
Cảo Tô tiếng dở, túi đồng đề suông.
Chút chi gắn bó gọi rằng,
Cho đành mối gió tên trăng sau này.
Phất phơ tơ liễu buông rèm,
Quản bao tuyết đợi sương chờ
Chưa cùng sum hợp nỡ nào chia phôi
Tương tri có thể mới là tương tri
Dùng chân gạn một lời này chút rao
Mối sầu đôi đoạn vò tơ.
Sớm khuya gác gấm buồng thêu,
Ngọc vàng mình phải nâng niu lấy mình.
Nghiến răng bẻ một chữ đồng vì ai?
Ông tơ khéo nhẽ đa đoan
Trăng thề còn đó chi chi
Một hơi giá ngất, hai tay lạnh đồng.
Xiết bao phận mỏng như tờ
Nợ bình sinh, nỗi tóc tơ chưa đền.
Nỉ non đêm vắn tình dài
Tưởng bây giờ là bao giờ
Song song đôi mặt còn ngờ chiếm bao
Ái ân thôi đến đêm này là xong
Vì ai bèo nổi mây chìm bấy lâu
Cũng liều má phấn cho rồi ngày xanh
Đỉnh chung hầu dễ ăn ngồi được đâu
Yêu vì nết, trọng vì người
Vả vì chút nghĩa cũ càng
Ngọn cờ ngơ ngác, trống canh trễ tràng
Tường đông bướm lại ong qua mặc lòng
Ấp cây một mực trần trần
Tà tà bóng ngả im doành
Bể sầu càng vợi càng đầy
Nỗi riêng riêng trạnh đôi nao một mình
Nào ai ấm lạnh nào ai ngọt bùi
Hài văn lần bước bước sang
Mịt mù bãi cát đồi tranh
Biết thân mình, biết phận mình thế thôi
Trông vời trời bể mênh mông
Tiếc thay trong ngọc trắng ngà
Mặc người tựa cửa hôm mai
Vó câu lỏng khẩu, bánh xe êm bồi

v.. v..

Kiều

Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,
Làm chi những thói khuynh thành trêu người?
Bại hồng liệu nẻo đi về chiếm bao.
Bể bàng mây sớm đèn khuya
Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình.
Trúc se ngọn thỏ, tơ chùng phiếm loan.
Chút chi gắn bó một hai,
Cho đành rồi sẽ liệu bài mối manh.
Lơ thơ tơ liễu buông mành,
Quản bao tháng đợi năm chờ,
Chưa vui sum họp nỡ sầu chia phôi
Tương tri dường ấy mới là tương tri
Dùng chân gạn chút niềm tây gọi là
Mối tình đôi đoạn vò tơ
Gìn vàng giữ ngọc cho hay,
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.
Nghiến răng bẻ một chữ đồng làm hai.
Ông tơ thực nhẽ đa đoan
Trăng thề còn đó trơ trơ ..
Một hơi lạnh ngắt, hai tay giá đồng.
Kiều nhi phận mỏng như tờ
Tóc tơ chưa chát đền ơn sinh thành.
Nỉ non đêm vắn tình dài
Tưởng bây giờ là bao giờ
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiếm bao
Ái ân ta có ngắn này mà thôi.
Để con bèo nổi mây chìm vì ai
Cũng liều má phấn cho rồi ngày xanh
Đỉnh chung sao nỡ ăn ngồi cho an
Thương vì hạnh, trọng vì tài
Tiếc thay chút nghĩa cũ càng
Ngọn cờ ngơ ngác, trống canh trễ tràng
Tường đông ong bướm đi về mặc ai
Trần trần một phấn ấp cây đã liều
Tà tà bóng ngả về tây
Sầu đong càng khắc càng đầy
Nỗi riêng riêng chạnh, tấc riêng một mình,
Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi
Hài văn lần bước dặm xanh
Mịt mù dặm cát đồi cây
Biết thân mình biết phận mình thế thôi
Trông vời non nước mênh mông
Rõ ràng trong ngọc trắng ngà
Xót người tựa cửa hôm mai
Vó câu khấp khểnh, bánh xe gập ghềnh

v. v.. (8)

KIỀU THANH-QUẾ

(coi lời chua ở trang 20)

1) «Tôi vừa được xem *Thanh hiên thi tập* của Nguyễn Du thì mới biết rằng hai câu ấy không phải là khẩu chiếm, mà là hai câu trong bài thơ làm sau khi đọc chuyện « Tiểu thanh» là một người con gái cũng ở đời Minh như Thúy kiều,giỏi thi từ, rành âm luật nhưng phải lấy lẽ, vì vợ cả quá ghen mà phải ở riêng, người ta xui đi lấy chồng khác không chịu, buồn rầu sinh hận sinh bệnh mà chết » Đào duy-Anh-Trí tân số 6, ngày 8 7 41.

Đành rằng hai câu ấy có trong *Thanh hiên thi tập*. Nhưng biết đâu trước giờ lâm chung, Tố Như chẳng ngâm lại để than thở nỗi lòng . . . K.T.Q.

2) *Dở chồng báo cũ*, trang 119-150. (Tân việt xuất bản)

3) Bản dịch của Trần Trọng-Kim

4) Tựa truyện Kiều của Mộng Liên đường chủ nhân.

(5) *Sainte Beave* : — «... le point essentiel dans une vie de grand écrivain, de grand poète, est celui si : saisir, embrasser et analyser tout l'homme au moment où, par un concours plus ou moint lent ou facile, son génie, son éducation et les circonstances se sont accordés de telle sorte qu'il ait enfanté son premier chef - d'œuvre » (Portrais littéraires I. Pierre Corneille).

6) Bản dịch của Đỗ Nam tử Nguyễn Trọng Thuật.

7) Bản dịch của Phó - bảng Nguyễn Can - Mộng

8) Theo văn-học tạp chí.

Đối với dân Bắc-thành

tiếp theo trang 9

5) An quảng là Quảng yên bây giờ.

6) « Lời truyền công đồng cho khắp cả các quân dân và trăm họ ở các xã, thôn, phường, trại, sách, thuộc các phủ huyện ở các trấn Bắc thành đều tuân biết : Sự sinh kế của dân có quan hệ với nhau, người nghèo người giàu phải giúp đỡ lẫn nhau là nghĩa thông thường. Từ cuối đời Lê (năm 1789) cho đến Tây sơn xướng loạn (1778), phần thì thuế nặng xâu nhiều, phần thì đói kém, tật dịch ; bao nhiêu những nhà nghèo khổ, bị về đói rét, cho nên tích lũy thành nhiều nợ ; như những nợ đã lâu năm, hoặc trả lãi thiếu gốc, hoặc trả gốc thiếu lãi, hoặc có người lại đem lãi làm gốc đến nỗi đời cha vay đời con trả nợ, mà gốc lãi cũng vẫn không xong ; những kẻ tiểu dân nghèo thiếu, thậm chí mất cả nhà cửa, không chỗ làm ăn dần dần đến nỗi phải xiêu tán đi nơi khác. Những sự tình ấy đã được nhà vua xét tới, hợp truyền : hễ từ tháng chạp năm canh thân (1800) về trước, các món nợ ấy, hết thảy đều thôi, chủ nợ không được đòi hỏi. Còn như những nợ mới, thì bấy nay bị loạn lạc, lại thêm tai nạn đói kém về nước lụt và hạn hán, kẻ xiêu tán cũng chưa về làng được, đứa bần cùng cũng chưa đủ sinh nhai : ăn còn chưa đủ, lấy đâu mà trả nợ ? Nhưng truyền : từ tháng giêng năm tân dậu (1801) và từ năm nhâm tuất (1802) đến tháng mười năm nay (1803) (qúy hợi)là ba năm,phàm các món nợ, không kể là lãi năm, lãi tháng, hay lãi mùa, đều hoãn một năm nữa (chữ Pháp gọi là *moratorium*), bắt đầu từ ngày tháng này (20 tháng hai năm Gia-long thứ hai, 13 février 1803) đến tháng mười sang năm hết hạn, thì chủ nợ mới được đòi hỏi. Đến như trong văn tự nợ, hoặc cầm nhà cửa, ruộng đất, vườn ao và các đồ vật khác, không kể đã lâu hay mới, hễ người vay nợ chưa giao nguyên-vật cho chủ nợ, cũng theo lệ nợ được hoãn một năm ; nếu trước đã chót giao cho chủ nợ nhận rồi thì thôi, đợi sau có tiền cứ gốc mà chuộc. Lại như từ ngày tháng này về sau, đều cho theo kỳ hạn trong văn-khế đòi hỏi về việc cầy trả nợ ; nhưng mà cầy trả nợ hoặc cầy mướn, mà trong văn-khế không nói đến, thì không theo lệ hoãn được. Việc ấy kính vâng nhà vua đã soi thấu chỗ ẩn tình của dân, muốn cho bớt nhiều thêm ít, người giàu cũng không thiệt lắm, người nghèo hơi được thong - thả. Phàm ở gần ở xa, đều nên tuân theo. Nếu chủ nợ trái lệnh truyền, cho người mắc nợ cứ đến kêu tại quan phủ huyện sở tại. Quan xét quả thực, xử theo tội nặng. Nay truyền. »

7) *Đại-Nam thực-lục chính-biên* (quyển 22 tờ 15 a) cũng chép tờ chiếu tháng 10 năm Gia long thứ hai (1803) «khiến quan lại sĩ thứ Bắc thành điều trần đê chính lợi hại», nhưng lời chiếu làm toàn chữ nho và vắn tắt hơn. Lời chiếu rằng: « Dấy lợi trừ hại là việc trước nhất của vương chính, bắt chước đời xưa, so sánh đời nay lý phải cho đáng. Các huyện ven sông ở địa-phương các ngươi, từ trước sáng lập đê điều để phòng nước lụt, nhân noi đã lâu ; thường khi mùa lụt bị vỡ đê, ruộng lúa ngập mất, người và giống vật cũng bị hại. Lũ các ngươi hoặc sinh ở đất ấy, hoặc làm quan ở nơi ấy, địa thế nhân tình, chắc là am hiểu Nên đắp đê hoặc phá đê, bên nào lợi, bên nào hại? cho đều trần tình sở kiến của mình. Nếu lời nói ấy có đem thi hành, tức có khen thưởng».

Đại-Nam thực-lục chính-biên (quyển 21, tờ 9 a) chép từ tháng tư năm Gia-long thứ hai (1803) đã đắp bảy đoạn đê mới ở Bắc thành: một đoạn ở xã Nại-tử châu, huyện An-lạc, tỉnh Sơn tây, dài hơn 220 trượng (mỗi trượng mười thước ta, bốn thước tây) ; một đoạn ở xã Kim xà, huyện An lãng, dài hơn 298 trượng ; một đoạn ở xã Thổ-khối, huyện Gia lâm, tỉnh Kinh bắc dài hơn 400 trượng; một đoạn ở xã Tảo nha, huyện Nam xương, tỉnh Sơn nam thượng, dài hơn 513 trượng; một đoạn ở thôn Ngọ xá, huyện Sơn minh, dài hơn 178 trượng ; một đoạn ở xã Mễ tràng, huyện Thanh liêm, dài hơn 53 trượng, một đoạn ở xã Lại trì, huyện Thư trì, tỉnh Sơn nam hạ, dài hơn 42 trượng. Lại đắp thêm một đoạn đê cũ bỏ hư hỏng, ở xã Vĩnh thái, huyện Phú xuyên, tỉnh Sơn nam thượng, dài hơn 65 trượng, chi tiền tám vạn hơn 400 quan, lấy Hoàng trung. Đồng làm chánh tuần-hải đô-doanh.

TÂY - NAM ĐẮC BẰNG

của NGUYỄN-TRIỆU

Gửi nước thôi rồi lại gửi con.
Ơn sâu như bể nghĩa như non.
Sao cho hai nước tình keo gắn,
Công ấy nghìn năm đá chẳng mòn.

HOÀNG CAO-KHẢI

BÀI này bắt đầu như thế, song không phải bản tuồng của cụ Quận đâu, tôi chỉ mượn bốn chữ «Tây Nam đắc bằng» của cụ mà thôi.

Nhân dịp lễ «Hưng quốc Khánh-niệm» nghĩ mãi không biết viết mục gì để kỷ-niệm, sực nhớ ngay đến vở tuồng «Tây-Nam đắc-bằng» của cụ quận Hoàng Thái-Xuyên soạn từ năm 1916, nên tôi cũng mượn luôn cái tên vở tuồng ấy làm đầu bài này vậy. Vở tuồng ấy tất cả chia làm hai đoạn 11 cảnh, phô diễn tích về triều Nguyễn trung hưng là từ khi chúa Nguyễn Phúc-Ánh (Vua Gia-Long sau này) tỵ nạn vào Nam, khởi binh phục quốc, gặp đức thầy Bá-Đa-Lộc nhờ đưa hoàng tử Cảnh và quốc thư sang cầu viện vua Louis XVI bên nước Pháp, nhờ đức-thầy giúp đỡ quan quân cùng khí giới mà khắc phục được Phú-xuân, bình-định Bắc-hà và nhất thống Nam-Bắc.

Sau cụ Quận tám năm, trong ba ngày 12, 13 và 14 Aout 1924 tại nhà Hát tây Saigon cũng có diễn vở kịch là L'Annam sous la terreur của Michel Mỹ soạn bằng Pháp-văn do một nhóm Pháp-Nam trí-thức đóng trò và cũng diễn một tích như vở «Tây-Nam đắc-bằng,» song có khác là chỉ diễn tự hồi chúa Nguyễn-Ánh tỵ nạn gặp đức thầy Bá-Đa-Lộc cho tới ngày đức thầy tạ-thế mà thôi.

Hôm ấy diễn rất long trọng, có quan Toàn quyền Merlin và quan Thống-đốc Nam-kỳ Tholance chủ tọa 1 tác-giả là Michel Mỹ đóng vai chính là vua Gia-Long và tôi cũng còn nhớ các vai trò chính phân phát đại để như sau này :

Nguyễn Ánh	Michel Mỹ
Pigneau de Béhaine	Evêque d'Adran
Đức thầy Bá Đa Lộc	Louis Félix Chamant
Hoàng tử Cảnh	Nam Charles Kiệt
Liot	Cussy André
Grenier Ba đức Cha	Tài
Odemilla	Tutini
Võ Tánh	Villarnel
Lê văn Duyệt	Luật Louis
Chaigneau	Oreux
Vannier	Lous
Dayot	André
Ollivier	Roger
Nguyễn văn Lữ tiếtchế Tây-Sơn	Đường Pierre

Diễn luôn ba tối được công chúng Sài thành hoan nghênh nhiệt liệt.

Nay nhân nhớ đến tích cũ người xưa chúng tôi lại đem kể qua chuyện ra đây tưởng cũng là một cách kỷ niệm vậy.

Sau khi khắc phục thành Phú - xuân 2 ngày mồng 3 tháng 5 năm tân dậu /juin 1801, sang đến năm sau là ngày mồng 2 tháng 5 năm nhâm tuất nhằm ngày 1er Juin 1805, đức Gia Long tế cáo trời đất rồi lên ngôi Hoàng đế, tính đến nay vừa đúng 140 năm

Đức Gia Long, húy là Phúc Ánh sinh ngày 15 tháng 5 năm nhâm ngọ niên hiệu Lê Cảnh Hưng thứ 23 tức ngày 8 Février 1762 và băng ngày 19 tháng chạp năm kỷ mão nhằm ngày 3 Février 1820.

Tháng 5 năm giáp ngọ 1775, Trịnh Sâm sai Hoàng Ngũ Phúc làm Bình Nam đại tướng quân đem hơn 3 vạn quân thủy bộ vào phạm thành đô, Hiếu Định Vương 3 bèn khiến Hoàng tôn Đương 4 đi lánh trước qua Hải vân quan, còn Vua thì đi thuyền ra cửa bể Tư-Dung rồi vào Quảng Nam.

Sang đến năm sau, nhà vua trú tất tại bến Gia, lập Hoàng tôn Đương lên làm Thế Tử, xưng là Đông cung. Mới được mấy ngày thì bị Nguyễn văn-Nhạc đem quân tới đánh, quân nhà vua kháng chiến không lại, Đông cung phải bỏ chạy lên ngả Câu đê; còn vua thì chạy qua Liên chữ. Trong lúc phân ly, vua dặn Đông cung rằng. «Hiện bây giờ đằng trước có quân Tây sơn, đằng sau có đại binh của họ Trịnh, chán phải ở lại giữ đây để ta vộ Gia định làm kế đánh xa cùu gần» Đông cung tuân mạng.

Trong 2 năm ấy là năm ất mùi (1775) quân Hoàng Ngũ Phúc đánh vào đến Quảng nam, bấy giờ chúa Nguyễn Phúc Ánh mới 13 tuổi, theo Hiếu Định Vương là chú ruột Ngài, xuống thuyền chạy ra bể vào đất Gia định. Ngự thuyền ra ngoài khơi thì gặp con phong ba, các thuyền theo hầu giá là thuyền của ông hoàng Kính 4 và Nguyễn cửu Đật đều bị đắm mà duy có thuyền ngự là không việc gì. Khi thuyền nhà vua vô tới dinh Bình khương liền có quan Lưu thủ Tông Phúc Hợp và quan Cai bạ Nguyễn Khoa Thuyên ra rước rồi đi hộ tùng thẳng vào đất Gia định, trú tất tại Ngưu chữ 5

Đông cung Đương ở lại đồn binh ở Câu đê 5 Nguyễn văn Nhạc biết Đông cung yếu thế và lại muốn mượn tiếng để cổ hoặc chúng. Đông cung biết, bèn tìm đường núi đi lên vào đất Gia định song bị đồ đảng của Nhạc là Lý Tài 6 đuổi theo rồi lại đem Đông cung về phố Hội An. 7

Quân Trịnh lúc này qua Hải vân quan, đánh nhau với quân Tây sơn ở Cẩm sa, Nhạc lại đưa Đông cung về Qui nhơn. Ngày khi ấy quân Hoàng ngũ Phúc đã lấy Quảng Nam và đóng đồn ở đó.

Tháng 5 năm ấy, Tông Phúc Hợp đã đánh lấy lại được Phú Yên, đưa thơ bắt Nhạc phải nộp trả lại Đông cung Nhạc sợ, lại dời binh qua An Thai để trốn tránh.

Bấy giờ, sau khi Nguyễn Nhạc được Trịnh Sâm phong cho làm Tiên phong tướng quân, Tây sơn hiệu tướng, thì

không còn phải lo gì chống với mặt Bắc nữa, chỉ lập mưu để đánh phía Nam mà thôi, bèn đem con gái mình là Thọ Hưng dâng cho Đông-cung, đối đãi rất tôn kính và xin Đông-cung lên ngôi vua. Song Đông-cung từ chối không bằng lòng và mật bàn với cận-thần rằng: « Tây-sơn muốn để ta lên làm vua để cho nó có cớ mà dễ làm bậy, nếu ta cứ ở đây mãi thì tướng-sĩ các nơi không dám đến đánh Tây-sơn nữa, e hại đến ta chăng, thì bao giờ mới yên giặc đặng. Chi cho bằng quyết kế trốn đi, để mưu đồ việc lớn ... » rồi mật ước với thuyền buôn cùng với Trương phúc-Dĩnh đêm đến trốn đi.

Thuyền được xuôi gió đi ba ngày tới Vị-nê (8) thì vừa gặp Hoàng-tử Xuân (9) từ Quảng-nam tới, rồi cùng nhau đồng thuyền vào đất Gia-định. Bấy giờ là tháng chạp năm Bính-thân (1776). Lúc này khách Lý-Tài đã bỏ Nhạc theo về với chúa Nguyễn rồi, nghe tin biết Đông-cung đã trốn được về Gia-định, bèn đem binh rước về Sài-côn, lập lên làm Tân-chính-vương và tôn Hiếu Định-Vương lên làm Thái-thượng-vương để cùng lo sự khôi-phục.

Chúa Phúc-Ánh bấy giờ biết Lý-Tài ngang-ngạnh và khó trị, nên tâu riêng với chú là Thái Thượng-Vương xin ra Tam-Phụ (10) chiêu-tập quân Đông-sơn để chờ khi tiếp ứng.

Sang đến năm Đinh-dậu (1777) Nguyễn-Nhạc sai người ra xin với Trịnh-Sâm cho trấn thủ đất Quảng-nam. Trịnh bèn phong cho Nhạc làm Quảng-nam Trấn-thủ, Tuyên-úy đại-sứ Cung quận công.

Sau khi được phong rồi, không còn phải lo đến mặt Bắc nữa, tháng 3 năm ấy, Nhạc bèn sai Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Lữ đem đại binh thủy bộ hai mặt vào đánh Gia-định. Lý-Tài chống không nổi, phải bỏ thành chạy. Quân Tây-sơn chiếm thành Sài-côn. Tân-chính-vương lại lui binh về bến Tranh (11).

Chúa Nguyễn Phúc-Ánh lúc này đem quân Đông-sơn đến cứu-viện, Thái-thượng-vương mới dựng cờ « Thượng tướng-quân » kéo quân về Gia-định. Nguyễn-văn-Huệ đem quân ra đón đánh. Thái-thượng-vương lại lánh về Định-tường. Đỗ Thanh-Nhân đem quân ra tiếp ứng, Thái-thượng-vương lại cùng với Thanh-Nhân qua Trấn-giang (12), hiệp với quân Mạc-thiên-Tứ (13) mà đồn trú. Thiên-Tứ sai quan Ngũ-nhung cai-cơ hộ giá Thái-thượng-vương và cung-quyến noi đường sông xuống Long-xuyên (14). Còn Thiên-Tứ thì ra giữ Kiên-giang (15a) để đón đánh quân Tây-sơn.

Nói về Tân-chính-vương lui binh về bến Tranh, (15b) Nguyễn-Huệ lại đem quân đến vây đánh thì lại chạy về Ba-vạc (16) cùng với quan Chưởng-cơ Tông phúc-Thiêm. Nhà vua sai Tông phúc-Hựu giữ lấy Mỹ-long (17), Tống phúc Thiêm giữ Hương-đôi ? và Tống phúc Hòa đem quân ra dàn trận để đánh nhau với Huệ.

Tháng 7 năm ấy Tôn-thất-Điệt, Nguyễn-Mẫn và Nguyễn-Hựu đều bệnh chung, chỉ còn có một mình Tông phúc Hòa chống cự với quân Tây-sơn mà thôi.

Sang đến tháng 8, Nhạc đem thêm quân đến đánh Hương-đôi, Phúc-Thiêm thua chạy về Ba-vạc, Nhạc lại đuổi theo, rồi bắt được Tân-chính-Vương (18) ở đấy, các quan theo Vương gần 18 người cũng đều bị hại. Đến tháng 9, Thái-thượng-vương chạy về được đến Long-xuyên, Huệ lại sai *chưởng-cơ* Tây-sơn tên là Thành đến hãm đồn. Thái-thương cũng ngộ hại, hăng ngày 18 tháng 9 năm ấy là Đinh-dậu (Décembre 1777) Huệ và Lữ lấy xong đất Gia-định rồi, để Tổng đốc Chu ở lại trấn-thủ rồi rút quân về Qui-nhơn.

Qua năm sau là năm Mậu-tuất (1778) Nguyễn-Nhạc tự xưng đế-hiệu, đặt niên-hiệu là Thái-Đức, gọi thành Đồ-bàn là Hoàng-đế thành, phong cho Nguyễn-Lữ làm Tiết-chế và Nguyễn-Huệ làm Long-phương tướng-quân.

Sau khi Tân chính vương và Thái thượng vương bị hại rồi, con cháu nhà Nguyễn ở trong đất Gia-định bấy giờ chỉ còn có chúa Phúc-Ánh là chạy thoát khỏi. Ngài chạy được xuống thuyền theo dọc Khoa-giang (20) nên quân Tây-sơn không bắt được, rồi chạy trốn ra đảo Thổ-châu (21). Đoạn, về khởi binh tại đất Long-xuyên, tiến lên Sadec rồi cùng với Chưởng-cơ Đỗ Thanh-Nhân và cai đội Nguyễn văn-Quân và bọn Tống-phúc-Khuông, Tống-phúc-Lương, Nguyễn-văn-Hoằng hiệp binh với Đô-khiển-Dương công Trừng, quân thế lừng lẫy to lắm, về phá tan được quân Tây-sơn ở Long-hồ, rồi tiến về đánh đuổi Tổng-đốc Chu, khắc phục được thành Sài-côn.

Tháng giêng năm Mậu-tuất 1778 chư tướng tôn chúa Phúc-Ánh lên làm Đại-nguyên-soái Nhiếp-quốc-chính. Năm ấy Ngài mới 17 tuổi.

Được ít lâu, Vua Thái-Đức lại sai Tổng-đốc Chu và Tự-khấu Uy và Hộ-giá Phạm-Ngạn đem quân thủy vào đánh Trấn-Biên (22) và Phiên-Trấn (23) cùng các xứ ở ngoài mặt bể. Đỗ thanh-Nhân lại phụng mạng đem quân Đong-sơn đi đánh, chém chết được Tự-khấu Uy, đuổi được hết quân Tây-sơn ra khỏi bờ cõi. Chúa Phúc-Ánh bèn sai quan cai-đội Lê văn-Quân đem binh ra đánh lấy thành Bình-thuận và vây thành Diên khánh.

Sau khi đã thu-phục được Gia-định rồi, Chúa Phúc-Ánh sai sứ sang giao hảo với Tiêm La và lại sai Đỗ Thanh-Nhân và Hồ văn-Lân đem quân sang đánh Chân-lạp (20) và để quan chưởng-dinh Hồ văn-Lân ở lại bảo-hộ nước ấy.

Ở đất Gia-Định thì Ngài sửa sang mọi việc trong ngoài định thể-lệ đánh thuế để lấy lương nuôi quân lính, đóng chiến-thuyền, tập luyện binh mã để phòng-bị việc chiến-tranh.

Sang đến mồng 1 tháng riêng năm Canh-tý (1780). Ngài xưng Vương-vị và phong cho Đỗ Thanh-Nhân làm chức Ngoại-Hữu Phụ-chính Thượng-tướng-quân Song sau này, vì Thanh-Nhân cậy mình có công nên lộng quyền làm nhiều điều phi-pháp nên đến năm Tân-sửu 1781 Thanh-Nhân bị Nguyễn-vương giết đi.

Tháng 3 năm nhâm-dần Avril 1782 Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Huệ lại thân-chinh đem hơn trăm chiến thuyền từ Qui-Nhơn vào cửa Cần-Giờ, đánh nhau kịch liệt với thủy-quân nhà Nguyễn ở Thất-Kỳ Giang (25). Trận này quân nhà Nguyễn thất-lợi và có Mạc-Hóe chưởng-vệ 26 là người nhà của Đức thầy Ba Đa-Lộc tử trận, Nguyễn Vương phải bỏ thành Sài-Côn chạy về đất Tam-phụ rồi ra lánh ở đảo Phú-quốc. Đức thầy Bá Đa-Lộc bấy giờ ở xóm Thị-Nghè 27 cũng chạy loạn lên đất Chân-lạp.

Còn nữa

NGUYỄN-TRIỆU

1) Báo « Impartial » ngày 13-6-1924 và 14-8-1924 và báo France-Indochine ngày 25-6-1924.

2) Hné ngày nay.

3) Hiếu Định-Vương là chúa Nguyễn Phúc-Thuần (1734-1777) và là con thứ 16 của Võ Vương Nguyễn phúc Khoát (1714-1765).

4) Hoàng tử Kính là anh ruột Hiếu Định Vương và là con thứ 7 của Võ Vương.

5) Sử chép Ngưu-Chữ hay Ngưu-Tân, tên nôm là Bến Nghé tức là Saigon bây giờ. Vì khúc sông đó xưa kia thường có trâu và nghé tắm nên thành tên vậy và là khúc sông ở Cầu Mống, Saigon. thuộc huyện Hòa-vinh.

6) Lý-Tài vốn là lái buôn khách, trước theo Tây sơn, sau lại bỏ Tây-sơn về theo chúa Nguyễn. Bấy giờ Nhạc sai Tập-Đình (cũng là người tàu cùng bộn với Lý-Tài) làm tiên phong. Lý Tài làm trung quân, tự mình làm hậu tập ra đánh nhau với quân Trinh ở làng Cần sa (thuộc huyện Hòa vinh Quân của Tập Đình phần nhiều là người tàu to lớn, soay trần ra, đầu đội khăn đỏ, tay cầm mã tấu ra trận rất hung mạnh. Quân tiền đội Hoàng ngũ Phúc đánh không lại, Ngũ Phúc lại phải sai Hoàng đình Thế và Hoàng phủng Cơ đem kỵ binh xông vào trận rồi bộ binh mới đánh tràn vào. Tập-Đình thua chạy. Nhạc và Lý-Tài lại phải lui về giữ ở Bản-tân rồi đưa Đông-cung về Qui nhơn.

Tập-Đình vốn bạo ngược xưa nay, nên Nhạc muốn tấy cờ thua trận bắt mà giết đi. Tập-Đình biết ý bỏ chạy trốn về Quảng Đông bị quân nhà Thanh bắt được đem chém chết.

7) Tức là Faifo thuộc Quảng-nam.

8) Thuộc Bình-thuận.

9) Cũng là con thứ 17 của Võ-vương.

10) Tam Phục tức là Ba giồng, ở vào miền Tân hiệp Cai lậy trong hạt Mytho (Nam kỳ).

11) Bến tranh, nay ở gần ga Ương-phú trong hạt Mytho (Nam-kỳ).

12) Tức là Canthơ trong Nam-kỳ ngày nay.

13) Mạc thiên Tứ, Tự Sĩ Lân (1706-1780) còn tên nữa là Mạc-Tôn và sau lại đổi là Thiên-tích đã được chúa Nguyễn là Ninh-vương Nguyễn phúc Chú phong làm Tổng binh Đại đô đốc cho về trấn thủ Hà tiên, sau này đến khi Hiếu-Định vương vào Gia định lại phong cho là Quốc-lão quận-công.

Thiên Tứ sau lại đổi là Thiên-tích (sẽ có truyện riêng) là con Mạc Cửu (1655-1735) là người đã có công khai sáng ra đất Hà tiên từ thế kỷ thứ 17 đời đời làm tôi nhà Nguyễn.

Trong gia-phả họ Mạc này có chép rằng : Trong lúc quân Tây Sơn vào chiếm Gia Định. biết cha con Thiên-Tích giúp vua Nguyễn rất đắc lực, bèn cho sứ giả mà rằng : « Nhà ta trải mấy đời làm tôi nhà Nguyễn, lẽ nào lại bỏ chúa cũ nhà theo hàng giặc được ! ». Bấy giờ có quan Phương đức Hầu can rằng : « Ta nay đã không hàng thì chỉ nên khước nó đi mà thôi chứ chẳng nên chém sứ. nay ta vì giận dữ một lúc giết một người của họ, sau này nếu Tây Sơn mà thắng được, muốn cho hả giận thì lẽ tất nhiên nó sẽ giết hại một số nhiều dân ta thì cũng là một cái tai vạ sau này vậy ! » Thiên-Tích nghe theo tha và đuổi sứ Tây-sơn về.

14) Long-xuyên đây tức là Camau bây giờ. và Long Xuyên bây giờ thì xưa là Đông-xuyên.

15a) Nay là Rachgia Nam-kỳ

15b) Thực-lục chép là Trà-Tân bến Trà.

16) Ba-Vạc nay ở vào phía trên Mocay giáp Vĩnh-Long Nam-kỳ

17) Ở gần Bentrê bây giờ.

18) Sau vua Gia-Long truy tặng là Mục-Vương.

19) Xem bài của Bùi văn Lang ở Tri-Tân số 12 trương 4.

20) Khoa-giang tức là sông Ông Đốc trong hạt Camau Nam-kỳ

21) Hòn Thổ-châu tức là Poulo Panjàng.

22) Biên-Hòa

23) Gia Định

24) Nước Cao Miên bây giờ.

25) Ngã Bảy ở gần cửa Cap Saint Jacques bây giờ.

26) Xem Tri-Tân số 9 trang 17.

27) Tức là chỗ canh Musée Blanchard de la Brosse ở Saigon bây giờ.

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

« Một lần nữa, nước Pháp phải biết tỏ gan dạ giữa buổi đau thương, phải làm nên sự-nghiệp trong công-cuộc phục-hưng quốc-gia, phải hiểu biết những sự cần-thiết về đương thời và về tổ-chức trật-tự mới, phải rộng lượng dẹp mọi nỗi oán ghét trong những sự cầu thân bắt buộc ta phải tìm, sau một thời rối loạn bi đát. »

Từ công cuộc mở mang bờ cõi

Tiếp theo trang 4

Căn-cứ vào cuộc tổ-chức các địa hạt hành-chính của vua Gia-long, đến năm Tân-mão (1831) là năm Minh-mệnh thứ 12, vua Thánh-tổ mới theo lối nhà Thanh đổi trấn làm tỉnh như ngày nay và đặt chức Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chánh sứ, Án sát sứ và Lãnh binh là những chức hiện thời công hành trong nước.

Công việc họ Nguyễn đã làm cho nước Nam quan trọng hơn cả thiết tưởng là việc mở mang bờ cõi và chiêu mộ những người nghèo khổ di cư đến khai phá những đất phì-nhiêu bỏ hoang ở miền nam, làm thành một xứ Nam-kỳ phồn thịnh. Về sau nhờ có vua Gia long hợp nhất tất cả đất đai, xếp đặt các nơi có thứ tự, lập thành một nước Việt-Nam đất rộng, dân nhiều như ngày nay, công họ Nguyễn với nước Nam thực cũng to lắm vậy !

1) Sông Phan-Rang xưa làm địa giới cho hai nước Chiêm-Thành và An-Nam năm 1659, người Chàm ở hữu-ngạn và Nguyễn Chúa ở trên tả ngạn của sông này.

NHẬT-NHAM
TRỊNH-NHƯ-TẤU

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Đã phát hành

THI-THỌAI

Một kho tài liệu vô giá của các nhà thơ, các nhà yêu thơ, các học-giả nghiên-cứu thi-học, văn-học

Giấy non 300 trang giá 2p00
Giấy bouffant và giấy lệnh thượng hạng
mỗi thứ còn hai bộ giá 4p00

Thư và ngân phiếu đề

M. LÊ VĂN-HÒE giám-đốc QUỐC HỌC THƯ-XÃ, *16bis Tiên Tsin* **HANOI**

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM

Trịnh - Như - Tấu :

1 — Hưng yên địa chí 0p.80
2 — Bắc giang địa chí 1 50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40

Đều có bán tại Đông Tây thư quán
195 Pho H'ng ng—Hanoi

Nên đọc TRI-TÂN, là tờ báo giúp ích về đường học- huật

Các bạn cầu may !

bỏ 1 đồng mua vé số

Đông - Pháp

biết đâu không trúng số độc đắc 10 vạn

CHÚ Ý

Các bạn mua báo và các đại-lý nhớ gửi tiền về trả cho, đa tạ.

Tri-Tân

Mới xuất bản :

DANH-NHÂN VIỆT-NAM

của *PHAN TRẦN-CHÚC*

Nhà TÂN-DÂN xuất bản
trong tủ sách Tao đàn

Toàn bộ 4 quyển mới ra I
Mỗi quyển bán thường : 0p.70
Bán đặc biệt lụa đó : 4p.00

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p.30. Không gửi lĩnh hóa giao ngân. Mandat đề tên ông

VŨ ĐÌNH-LONG

93, Rue du Coton, 93 — Hanoi

Đã có bán

Bút Nghiên

của

CHU-THIÊN

Tất cả mọi khung cảnh của trường học cổ, mọi phong tục, mọi hoài-vọng của xã hội nhà nho, với những biến-cải ở tâm trạng người xưa trong đời đi học, từ khi « vỡ lòng » đến khi đỗ đạt, qua các kỳ thi Hạch, thi Hương, thi Hội, thi Đình, đều được ghi chép lại rất công-phu, rất cặn kẽ, rất tỉ-mỉ và rất lý-thú, để đánh dấu lấy một thời đại long trọng của ngày xưa mà nay không bao giờ còn có nữa.

Dày 400 trang, giá 2$00

Mua một quyển gửi tiền về trước, thêm 0p.60 tiền cước.

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN CỤC
71 phố Tiên Tsin Hanoi

Directeur : Nguyễn Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tự-Quán
Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi